

Sach Vui . Com

SÁCH SỐ
COI TUỔI LÀM NHÀ
VÀ
DỰNG VỢ GẢ CHỒNG



CHIÊM TINH GIA
HUYỀN LIÊN

HƯƠNG HOA XUẤT BẢN
CẨM TRÍCH DỊCH SAO CHÉP

Lời bàn đầu sách

"Dựng vợ gả chồng xây cất nhà cửa" là những việc lớn của đời người. Có ai không muốn lấy được người chồng, người vợ ý tâm đầu và trong cuộc sống được yên vui trong cảnh giàu sang, con cháu đê huê? Có ai không muốn khi xây cất ngôi nhà khang trang được thuận lợi mọi bề, thiên trời, địa lợi, nhân hòa đủ cả.

Để đáp ứng được lòng mong mỏi đó của bạn đọc gần xa. Để giúp đỡ được bạn đọc chí ít tránh được những tai nạn đáng tiếc xảy ra vì không hiểu biết.

Chúng tôi cho ra quyển sách nhỏ này hầu giúp bạn đọc xa gần có thể tự mình tìm lời giải thích ứng trong việc "dựng vợ gả chồng xây cất nhà cửa" cho bản thân mình và những người thân xung quanh.

Quyển sách này với những bản lập sẵn dễ tra cứu, những khổ thơ đơn giản dễ hiểu dễ thuộc, mọi người ai cũng có thể dùng được. Xong đó là cả một quá trình nghiên ngẫm, chất lọc của tác giả qua bao sách vở và khảo cứu cuộc sống. Nó bảo đảm tính chính xác và chuẩn mực.

Bạn đọc hãy thử nghiên cứu theo sách. Các bạn sẽ thấy sự hiệu nghiệm như thế nào. Rồi đây sách sẽ giúp các bạn quét sạch mọi nghi ngờ may rủi. Sách sẽ trở thành người bạn tin cậy của các bạn trong việc "dựng vợ gả chồng xây cất nhà cửa"

Kính chúc bạn đọc may mắn!

NHÀ XUẤT BẢN HƯƠNG HOA

www.SachVui.com

CÁCH TÍNH GIỜ SINH

(Chính xác tới phút)

THÁNG GIÊNG VÀ THÁNG CHÍN

Ngày
Dần 4-20 đến 6-19
Mẹo 6-2 đến 8-19
Thìn 8-20 đến 10-19
Ty 10-20 đến 12-19
Ngọ 12-20 đến 2-19
Mùi 2-20 đến 1-19

Đêm
Thân 4-20 đến 6-19
Dậu 6-20 đến 8-10
Tuất 8-20 đến 10-19
Hợi 10-20 đến 12-19
Tý 12-20 đến 2-19
Sửu 2-20 đến 4-19

THÁNG BA VÀ THÁNG BẢY

Ngày
Dần 4-30 đến 6-29
Mẹo 6-30 đến 8-29
Thìn 8-30 đến 10-29
Ty 10-30 đến 12-29
Ngọ 12-30 đến 2-29
Mùi 2-20 đến 4-29

Đêm
Thân 4-30 đến 6-29
Dậu 6-30 đến 8-20
Tuất 8-30 đến 10-29
Hợi 10-30 đến 12-29
Tý 12-30 đến 2-29
Sửu 2-30 đến 4-29

THÁNG NĂM

Ngày
Dần 5-20 đến 7-19
Mẹo 7-20 đến 9-19
Thìn 9-20 đến 11-19
Ty 11-20 đến 1-19

Đêm
Thân 5-20 đến 7-19
Dậu 7-20 đến 9-19
Tuất 9-20 đến 11-19
Hợi 11-30 đến 1-19

Ngọ 1-20 đến 3-19
Mùi 3-20 đến 5-19

Tý 1-20 đến 3-19
Sửu 3-20 đến 5-19

THÁNG HAI, TÁM, MƯỜI VÀ CHẬP

Ngày
Dần 4 đến 5-59
Mẹo 6 đến 7-59
Thìn 8 đến 10-59
Ty 10-11 đến 12-59
Ngọ 12 đến 1-59
Mùi 2 đến 3-59

Đêm
Thân 4 đến 5-59
Dậu 6 đến 7-59
Tuất 8 đến 9-59
Hợi 10 đến 11-59
Tý 12 đến 1-59
Sửu 2 đến 3-59

THÁNG BỐN VÀ THÁNG SÁU

Ngày
Dần 4-40 đến 6-39
Mẹo 6-40 đến 8-39
Thìn 8-40 đến 10-39
Ty 10-40 đến 12-39
Ngọ 12-40 đến 2-39
Mùi 2-40 đến 4-39

Đêm
Thân 4-40 đến 6-39
Dậu 6-40 đến 8-39
Tuất 8-40 đến 10-39
Hợi 10-40 đến 12-39
Tý 12-40 đến 2-39
Sửu 2-40 đến 4-30

THÁNG MỘT

Ngày
Dần 3-40 đến 5-39
Mẹo 5-40 đến 8-39
Thìn 7-40 đến 9-39
Ty 9-40 đến 11-30
Ngọ 11-40 đến 1-39
Mùi 1-40 đến 3-39

Đêm
Thân 3-40 đến 5-39
Dậu 5-40 đến 7-39
Tuất 7-40 đến 9-39
Hợi 9-40 đến 11-39
Tý 11-40 đến 1-39
Sửu 1-40 đến 3-39

BẢNG TRA VỀ MỆNH

- 1900 - 1901 - Giảm hạ thổ tức đất vách nhà
1902 - 1903 - Kim Bạch kim tức vàng là trắng
1904 - 1905 - Phú đăng hỏa tức Lửa ngọn đèn
1906 - 1907 - Thiên hà thủy tức nước trên trời
1908 - 1909 - Đại trạch Thổ tức đất nền trời
1910 - 1911 - Thoa xuyên Kim tức Vàng đeo tay
1912 - 1913 - Tang giá Mộc tức cây dâu
1914 - 1915 - Đại Khê Thủy tức nước khe bốn
1916 - 1917 - Sa trung thổ tức đất trong cát
1918 - 1919 - Thiên thượng Hỏa tức lửa nền trời
1920 - 1921 - Thạch lựu mộc tức cây lựu đá
1922 - 1923 - Đại hải thủy tức nước dưới biển
1924 - 1925 - Hải trung Kim tức Vàng dưới biển
1926 - 1927 - Lò trung hỏa tức lửa trong lò
1928 - 1929 - Đại lâm mộc tức cây rừng lớn
1930 - 1931 - Lộ bạch thổ tức đất đường lộ
1932 - 1933 - Kiếm phong kim tức Vàng gươm nhọn
1934 - 1935 - Sơn đầu hỏa tức lửa trên núi
1936 - 1937 - Giảm hạ thủy tức nước dưới sông
1938 - 1939 - Thanh đầu thổ tức đất đầu thành
1940 - 1941 - Bạch lạp kim tức vàng chân đèn
1942 - 1943 - Dương liễu mộc tức cây dương liễu
1944 - 1945 - Tuyền trung thủy tức nước trong giếng

- 1946 - 1947 - Ốc dương thổ tức đất nóc nhà
- 1948 - 1949 - Tích lịch hỏa tức lửa sấm chớp
- 1950 - 1951 - Tòng bách mộc tức cây tàng bá
- 1952 - 1953 - Tràng lưu thủy tức nước chảy dài
- 1954 - 1955 - Sa trung kim tức Vàng trong cát
- 1956 - 1957 - Sơn hạ thổ tức lửa trên núi
- 1958 - 1959 - Bình địa mộc tức cây đất bằng
- 1960 - 1961 - Giảm hạ thổ tức đất vách nhà
- 1962 - 1963 - Kim mạch kim tức vàng lá trắng
- 1964 - 1965 - Phú đảng hỏa tức lửa ngọn đèn
- 1966 - 1967 - Thiên hà thủy tức nước trên trời
- 1968 - 1969 - Đại trạch thổ tức đất nền trời
- 1970 - 1971 - Thoa xuyên kim tức vàng đeo tay
- 1972 - 1973 - Tang giá mộc tức cây dâu
- 1974 - 1975 - Đại khuê thủy tức nước khe lớn
- 1976 - 1977 - Sa trang thổ tức đất trong cát
- 1978 - 1979 - Thiên thượng hỏa tức lửa trên trời
- 1980 - 1981 - Thạch lưu mộc tức cây lựu đá
- 1982 - 1983 - Đại hải thủy tức nước biển lớn
- 1984 - 1985 - Hải trang kim tức vàng dưới biển
- 1986 - 1987 - Lò trung hỏa tức lửa trong lò
- 1988 - 1989 - Đại lâm mộc tức cây rừng lớn
- 1990 - 1991 - Lộ bạch thổ tức đất đường bộ
- 1992 - 1993 - Kiếm trong kim tức c và ng gươm nhọn

1994 - 1995 - Sơn đầu hỏa tức lửa trên núi
 1996 - 1997 - Giâm hạ thủy tức nước dưới sông
 1998 - 1999 - Thạch đầu thổ tức đất đầu thành
 2000 - 2001 - Bạch lập kim tức vàng chân đèn

ÂM DƯƠNG TƯƠNG SINH TƯƠNG KHẮC ÂM HAY DƯƠNG

Tuổi Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất, là thuộc về dương

Tuổi Sửu, Mão, Mùi, Dậu, Hợi là thuộc về âm

Tương sinh (tốt)

Thủy sinh mộc	Mộc sinh Hỏa	Hỏa sinh Thổ
Thổ sinh Kim	Kim sinh Thủy	

Thập nhị chi hợp nhau (tốt)

Tý hợp Sửu	Thìn hợp Dậu	Dần hợp Hợi
Ty hợp Thân	Mão hợp Tuất	Ngọ hợp Mùi

Thập nhị chí suy nhau (xấu)

Tý suy Ngọ	Sửu suy Mùi	Thìn suy Tuất
Dần suy Thân	Ty suy Hợi	Mão suy Dậu

Thập can hợp nhau (tốt)

Giáp hợp Kỷ	Đinh hợp Nhâm	Ất hợp Canh
Mậu hợp Quý	Bính hợp Tân	

Thập can phá nhau (xấu)

Giáp phá Mậu	Kỷ phá Quý	Ất phá Kỷ
--------------	------------	-----------

Canh phá Giáp
Đinh phá Tân
Quý phá Đinh

Bính phá Canh
Nhâm phá Bính

Tân phá Ất
Mậu phá Thân

TAM HỢP

Dần - Ngọ - Tuất Ty - Sửu - Dậu
Hợi - Mão - Mùi

Thân-Tý-Thìn

PHẦN THỨ NHẤT

XEM TUỔI ĐỊNH VỢ GẢ CHỒNG

Phương pháp coi tuổi định vợ gả chồng

Tục ngữ nói (vô sư vô sách) vậy bất chấp trách từ việc dựng vợ gả chồng - cất nhà - tống táng làm mồ làm mả cứ nhắm mắt làm liều đi cũng không sao. Thí dụ như bên tín đồ Công giáo mọi việc đều lấy ngày Chủ nhật mà khởi sự.

Còn trai gái yêu nhau, lấy nhau lập nên gia thất cũng lắm người làm nên. Đó là phước mạng của đời dành mọi việc cho Thiên định nó trái hánh với câu, tự lập lấy mạng, tự tìm lấy phước. có khi tự lập không xong, tự tìm không được - ấy là mạng hữu lý thời chung tu hữu mạng lý đời mạc cương, cầu vậy.

Tuy nhiên, khi đã xem có sách - có thầy thì phải xem cho tới nơi tới chốn dầu không tìm thấy phước nhưng ít ra cũng lấy họa mà tránh đi - đó là những người hiểu biết không làm những việc cầu may là thế.

Muốn xem tuổi vợ trước nhất phải xem về Ngũ hành sanh khắc. Đó là phần bốn mạng nó quan trọng hơn bát sau tử hình nữa.

Ngũ hành tương Sanh Ngũ hành tương khắc.

Kim sanh Thủy

Kim khắc Mộc

Thủy sanh Mộc

Mộc khắc Thổ

Mộc sanh Hỏa

Thổ khắc Thủy

Hỏa sanh Thổ

Thủy khắc Hỏa

Thổ sanh Kim

Hỏa khắc Kim

Vợ chồng gặp tương sanh thì khắc gặp tương khắc thì nguy. Tuy nhiên trong 5 hành đều có tính chất riêng của nó, nên có khi gặp mà lại tốt. Đó là phép nạp âm của Ngũ hành xin dẫn giải sau đây.

PHÂN VỀ MỆNH

1 - MẠNG KIM

Sa trung kiếm phong lương ban kim

Mộc mạng nhượng phùng tức khắc liêm

Ngoại lưu từ kim giai ky hỏa

Kiểm sa vô hỏa bất thành hình

Bình giải: So mạng của đôi trai gái tìm biết mạng xem kim mà thuộc loại kim nào? Nếu là kiếm phong kim và sa trung Kim thì càng nên phối hợp với người có mạng hỏa. Bởi vì hai đứa thứ sa Kim và Kiếm kim mà không có lửa thì không thành khi vật hữu dụng. Ngoài ra, Sa, Kiếm chỉ đại khắc với mộc mạng vì nó gặp phải là có hình ky không sai. còn bốn chữ kim khác như. Hải trung

Bạch Lạp, Thoa khuyến, Kim bá đầu đại kỵ hỏa nhưng khắc Mộc nhẹ hơn.

2 - MẠNG HỎA

Phúc đăng Lự Trung dữ sơn đầu
Tam Hỏa nguyên lai phách thủy lưu
Thiên thượng, Thích lịch, Sơn hạ hỏa
Thủy phùng như tướng ngộ Vương hầu

Bình giải: ba loại Phúc đăng, Lự trung, Sơn Đầu Hỏa đều đại kỵ thủy mạng. Nếu gặp nước thì ba loại lửa ấy tắt ngay, còn thiên thượng, Sơn hạ và Thích Lịch Hỏa thì cần phải phối hợp với người có mạng thủy, vì ba loại hỏa này gặp Thủy thì càng rạng rỡ hơn ra. Cũng như bậc khanh.

Tướng gặp được vương hầu vậy.

3 - MẠNG MỘC

Bình địa Mộc Trung chỉ nhất sanh
Bất phòng Kim giả bất nâng thành
Ngũ ban biệt mộc kỵ kim loại
Nhược ngộ đương nhiên bất đắc sanh

Bình giải: Trong sáu loại thuộc mạng mộc chỉ có độc một chữ Bình địa Mộc thì không sợ kim trái lại cần phải phối hợp với Kim mới trở thành vật hữu dụng được. Còn những thứ mộc khác như Tòng Bá - Dương Liễu, Tang độ, Thạch lưu, Đại lâm đều rất sợ Kim, nếu phối ngẫu tất phải sanh Ly, từ biệt hay là nghèo khổ suốt đời.

4 - MẠNG THỦY

Đại hải Thủy, Thiên hà Thủy lưu
Nhi ban bát dữ Thổ vi cừ.
Phùng chi y lộc tất nan cầu

Bình giải: Đại hải và Thiên hà Thủy, không sợ Thổ gặp Thổ mạng phối ngẫu càng mau hiển đạt. Còn bốn loại Thủy khắc là Giang hạ, Trương lưu, Tuyên Trung và Đại khuê Thủy đều kỵ mạng Thổ. Nếu phối ngẫu với nhau tất nghèo khó vất vả và cả đời.

5 - MẠNG THỔ

Lộ Bàng Đại trạch Sa trung Thổ
Đắc mộc như đạt thanh văn lộ.
Ngoại hữu tan bang phách mộc gia
Phùng chi tất mạng tu nhập mộ

Bình giải: Ba loại Thổ Lộ Bàng - Đại trạch - Sa Trung không sợ mộc Được phối hợp với mộc, thì công danh rạng rỡ, phát đạt mọi đường. Chỉ có Thành đầu Thổ Bích thượng thổ, óc thượng Thổ là đại kỵ với Mộc. Nếu gặp mạng Mộc thì không khác nào đem thân chôn sống đây mộ.

Vợ chồng cùng một mạng thì sao?

Thí dụ vợ chồng cùng một mạng như Kim, Mộc, Hỏa, Thổ thì sao? Điều này có hai thuyết

Một thuyết nói là tốt

Lưỡng kim thành khí (hợp thành vật dụng)

Lưỡng mộc thành Lâm (hợp thành rừng lớn)
Lưỡng Thủy thành xuyên (hợp thành sông lớn)
Lưỡng hỏa thành Viêm (hợp thành sức nóng quang)
Lưỡng thổ thành sơn (hợp thành non núi)

Một thuyết nói là xấu

Lưỡng kim Khuyển (bê mất một)
Lưỡng Mộc chiết (gãy mất một)
Lưỡng Thủy - Kiệt (khô cạn hết)
Lưỡng Hỏa - Diệt (tắt hết cả)
Lưỡng Thổ - Liệt (nhão hết cả)

Cả hai thuyết về Ngũ hành đồng loại trên đây, theo kinh nghiệm thì không nhất thiết theo thuyết nào vì nếu vợ chồng cùng một mạng tức đồng một tuổi. Thí dụ Nhâm Ngọ - Quý Mùi hay Giáp Thân - Ất Dậu v.v... thì cần phải xem qua can, chi các bác cung trở không ký nào hai cây cùng là Tông Bá Mộc (Nhâm Ngọ - Quý Mùi) mà là có một cây làm gãy một cây được.

Khi xem song mạng rồi sẽ xem tới Can - Chi tức là người của đôi nam nữ sắp thành lập gia đình.

TRÁNH TỨ HÌNH XUNG

Trước hết là tứ hình xung của tuổi như sau:

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi

Tý, Ngọ, Mão, Dậu

Dần, Thân, Tỵ, Hợi

TÌM TAM HỢP

Sau đó tìm hợp nhưng đâu không tìm được hợp cũng cố tránh cho khỏi tứ xung. Tránh xấu trước - tìm tốt sau không được tốt mà tránh được xấu cũng là tốt.

TAM HỢP LÀ GÌ?

Thân - Tý - Thìn

Dần - Ngọ - Tuất

Ty - Dậu - Sửu

Hợi - Mẹo - Mùi

CHÁNH XUNG VÀ BÀNG KỶ

Tý xung Mẹo, Ngọ xung Dậu

Dần xung Tý, Thân xung Hợi

Thìn xung mùi, Tuất xung Sửu

Tý kỵ Ngọ, Mẹo kỵ Dậu

Dậu kỵ Thân, Ty kỵ Hợi

Thìn kỵ thân, Ty kỵ Hợi

Thìn kỵ Tuất, Sửu kỵ Mùi

Bài thơ xưa giải sự Tứ xung

Mèo nằm rình chuột ngó nghe

Hùm bắt rắn lâu chưa thấy về

Khỉ ở trên cây đuổi trâu què

Rồng bay cây núi Mùi thơm nức

Ngựa chạy đường dài gà gáy khuya

Phải biết kỵ xung hầu tránh trước

Trăm năm mới vững đạo phu thê

Tránh tứ tuyệt

Tuổi Tý tuyệt tuổi Ty
Tuổi Dậu tuyệt tuổi Dần
Tuổi Ngọ tuyệt tuổi Hợi
Tuổi Meo tuyệt tuổi Thân

Phạm nhân tử tuyệt vợ chồng, sẽ hiếm con cái, chăn nuôi trồng trọt cũng kém trường dưỡng.

Tránh Lục Hại

Tý hại Mùi, Dần hại Ty, Thân hại Hợi, Sửu hại Ngọ, Meo hại Thìn, Dậu hại Tuất.

Bị lục hại vợ chồng thường hay đau yếu. Trở nên là tìm điều hợp và tránh điều xung của chi và Ngũ hành.

Giáp hợp Kỷ khắc Canh
Ất hợp Canh khắc Tân
Bính hợp Tân khắc Nhâm
Đinh hợp Nhâm khắc Quý
Mậu hợp Quý khắc Giáp
Kỷ hợp Giáp khắc Ất
Canh hợp Ất khắc Bính
Tân hợp Bính khắc Đinh
Nhâm hợp Đinh khắc Mậu
Quý hợp Mậu khắc Kỷ.

Thí dụ: Con trai tuổi Nhâm Ngọ hay Quý, Mùi, Thìn, Nhâm nên tìm con gái Đinh... gì đó, con trai là Quý thì tuổi con gái Mậu ... gì đó, mà cưới thì tốt, bằng không có là tìm tuổi khác thì vô hại. Miễn sao tranh sao Trai Quý Mùi thì đừng cưới vợ là Kỷ Hợi hay Kỷ Ty thì không tốt.

Sau đây chúng tôi lập thành bảng số thập can tuổi trai cưới vợ tuổi gì tốt hay xấu ra sao gồm đủ 60 Hoa Giáp để quý vị tiện tra cứu.

Và nhân tiện cũng ghi rõ lời phê mỗi tuổi đúng theo sách xưa rồi kể đó là lời đề quý vị dễ hiểu.

Nam can thú Nữ chi số kim thủ thần kinh

PHẦN VỀ CHỮ

CHỮ GIÁP

Trai Giáp lấy vợ tuổi Tý

"Chính quế thêm cung hoàn nhập tại vong"

Nghĩa là: Bê quế nơi cung, thêm vợ chồng vui đẹp có quyền thế về tư pháp, nhưng thiếu âm Đức con cháu về sau bị lọt vào lưới và tai vạ.

Trai Giáp lấy vợ tuổi Sửu và Dần

"Võ chiết hoa tiêu, Vân trình thất lộ"

Nghĩa là: Mưa gãy cành hoa đường mây lạc lối. Không được tốt, lấy nhau rồi có nhiều rời đổi con cái không được hiếu thuận lại khó nuôi. Làm quan bị đàng đi thi không đậu.

Trai Giáp lấy vợ tuổi Mão

"Thu phong lạc điệp phu thê ly biệt"

Nghĩa là: Rất xấu, gió thu lá rụng, vợ chồng khó ở đời. Sinh con khó nuôi, có thai sanh bệnh hoạn v.v...

Trai Giáp lấy vợ tuổi Thìn và Ty

"Thu vụ hung sơn phú quý phù vân"

Nghĩa là: Như mây mù mùa thu bao trùm núi cao. Như giàu có như mây bay nước chảy không tốt - lấy nhau không bền...

Trai Giáp lấy vợ tuổi Ngọ

"Trường Sa chiết trục ngộ trai giải"

Nghĩa là: Xe to gãy trục gặp nạn khó giải "trước sau khổ, 42 tuổi gặp nạn nguy, không có đức có thể chết.

Trai Giáp lấy vợ Mùi

"Long phi vô vò, thói quan tán tài"

Nghĩa là: làm quan bị giáng Ròng bay mà thiếu mưa, hao tán tiền tài, gặp nhiều sự rủi, con cái khổ lây.

Trai Giáp lấy vợ tuổi Dậu và Tuất

"Chiết quế thêm cung Huỳnh long xuất hiện" bẻ quế cung thêm, rồng vàng hiện tới. Thi đậu cao vợ đẹp, con ngoan, công danh đặc lợi, tài lộc dồi dào, sinh con trai đầu là đấng.

Trai Giáp lấy vợ tuổi Hợi

"Nguyệt quế vọng thêm tiên vinh hậu nhục"

Nghĩa là: Đứng bên thềm ngó lên cung trăng trước tốt đẹp sau hủ bại thi cử đỗ đạt, vợ cũng xinh đẹp, nhưng công danh nửa đường về sau bị tai ách.

Sách Vui . Com

CHỮ ẤT

Trai lấy vợ tuổi Sửu

"Long hổ tự phục sanh khuyến đầu trúc"

Rồng cạp đầu qui đầu chó tre là công đắc lộ, con cái phát đạt, công danh có nhưng tài lộc kém.

Trai Ất lấy vợ tuổi Sửu và Dần

"Nhật nguyệt đương nhiên hoa khai nhộ tuyết"

Nghĩa là: như mặt trời, mặt trăng giữa trời, hoa nở gặp tuyết mưa xuống. Thi cũng có đỗ đạt. Trước thì danh vọng lớn lao sau thì gian nan cay đắng con cái một nửa khá, một nửa bần hàn. Hoa nở bị tuyết rơi bị tuyết rơi thì rụng hết chớ không còn.

Trai Ất lấy vợ tuổi Meo

"Liễu ngộ xuân phong phượng hoàng chết dục"

Nghĩa là cây liễu gặp ngọn gió đông, chim phượng hoàng gãy cánh. Mới lấy nhau vợ chồng phát đạt nhưng kém về con thì đung. Bằng có con thì tài giảm tiên thành hậu bại có khi gãy cánh giữa đường.

Trai tuổi Ất lấy vợ tuổi Ngọ

"Thiên địa vô số, bồi minh diệu ám"

Nghĩa là: trời đất không mưa sau lưng sáng trước mặt tối, trai góa gái góa lấy nhau phát đạt cực mau. Nếu là đôi lứa thiếu niên cũng gọi là tốt nhưng về sau có chuyện buồn khổ trong phòng khuê, đâu có danh vọng cũng mang hoạn nan.

Trai Ất lấy vợ tuổi Mùi

"Ngư quá vô môn - Long phi đắc chỉ"

Nghĩa là: cá vượt vô môn, rồng mây gặp hội, vợ chồng hoà hợp, phú quý song toàn, rể quý dâu hiền thật tốt.

Trai Ất lấy vợ tuổi Thân

"Long văn đắc tộ - khủng ngộ kiếp hình"

Nghĩa là: Rồng tuy gặp vận nhưng e bị cướp bóc hình sát, vợ chồng tuy phát đạt nhưng mọi công việc đều không bền.

Trai Ất lấy vợ tuổi Dậu

"Điểm nhập vông chung bạch mã chiết tức"

Nghĩa là: chim vào trong lưới, ngựa trắng què chân. Nếu thi đỗ cao tức phải chết non trước hiển vinh thì sau bằng khổ. Bằng lúc trẻ gian nan thì sau thì về ngoài thư thả hơn.

Trai Ất lấy vợ tuổi Tuất và Hợi.

"Nguyệt trâm thương hải - long khốn hồng vân"

Nghĩa là: trăng chim biếm thắm, Rồng bị vây trong đám mây hồng. Ta phận thủ thường cực khổ lúc trẻ thì được yên vui lúc về già. Nếu thi đỗ tất chết non cái công danh cũng trắc trở.

CHỮ BÌNH

Trai Bình lấy vợ tuổi Tý

"Hồng hoa lạc địa - Niên thư thọ lão"

Nghĩa là: hoa hồng rơi đầy đất, lúc trẻ bòn tẩu nhiều thì thọ cao, vợ sinh sản khó, có khi nguy mạng, sanh con trai nhiều thì hợp, sanh con gái khó nuôi, nếu không có thiếp cũng có con trai.

Trai Bính lấy vợ tuổi Sửu

"Long tàng hải đế - Nhân hữu minh linh"

Nghĩa là: Rồng còn giấu mình nuôi đầy bể có nhân thì cũng được con nuôi... vất vả mãi nhưng khó dịp bay nhảy, khó thủ khắc công danh. Con cái khó nuôi, tìm con nuôi cũng tốt, về già cũng được an nhàn.

Trai Bính lấy vợ tuổi Dần

"Oanh yến phùng xuân thì cũng hảo hiệp"

Nghĩa là: chim oanh, chim én gặp mùa xuân, vợ đẹp con ngoan hòa hiệp. Lúc đầu có điều cách trở sau tái hợp mới nên. Con nuôi cũng tốt, về già cũng được an nhàn.

Trai Bính lấy vợ tuổi Mẹo và Thìn

"Ngự nhập vòng trang - quan tai khốn tứ"

Nghĩa là: cá lọt vào lưới thân gặp quan sự khốn đốn vợ con. Rất xấu, nhiều cách trở có thể tử biệt sinh ly, con cái không đỗ đạt.

Trai Bính lấy vợ tuổi Ty

"Càn đạo hành chu - Tài bật phong nhiêu"

Nghĩa là: thuyền đi trên hướng cũng càn, chờ tiên của đây ấp ấp. Vợ là con nhà danh vọng hơn chồng nên cưới con gái trưởng mới tốt. Dầu thi cử không đỗ nhưng làm ăn phát đạt, con cái làm nên danh vọng về sau.

Trai Bính lấy vợ tuổi Ngọ và Mùi

"Nồn thao phùng xuân - Khuất ty nhập thủy"

Nghĩa là: cỏ non gặp mùa xuân tươi xanh được vào nước. Vợ chồng gặp nhau trong cảnh hàn vi thì sau mới phát đạt. 40 tuổi trở lên mình có tiểu tật nhưng con cái đỗ đạt cao.

Trai Bính lấy vợ tuổi Thân

"Khổ mộc phùng xuân tiên tôn hậu ích"

Nghĩa là: cây khô gặp mùa xuân trước hại sau lợi trước cực giàu sang, làm ăn tấn tiện mà giàu có lớn. Sinh con cái học hành giỏi thi đậu cao.

Trai Bính lấy vợ tuổi Dậu

"Tử tôn hưng vượng phú quý miên trường"

Nghĩa là: con cái khá giả giàu sang lâu dài lúc đâu có trắc trở sau hợp sanh trai gái đây đàn, thi cử đỗ đạt, phước lộc lâu dài.

Trai Bính lấy vợ tuổi Tuất - Hợi

"Oanh yến nan hòa, hữu tử nan dưỡng"

Nghĩa là: chim oanh chim yến khó hòa, có con nuôi, trai gái đâu là con một hay con mồ côi cả thì tốt. Còn

bằng đủ cha mẹ thì người con trai phải có danh vọng hơn. Sinh con cái khó nuôi trước thành sau bại.

CHỮ ĐINH

Trai Đinh lấy vợ tuổi Tý

"Mãnh Hồ lạc tinh đặc long hiếu càn"

Nghĩa là: cộp lọt giếng sâu rộng vướng lưới câu. Vợ chồng phát đạt gặp nhau tuy dễ nhưng không được bền lâu nếu đến tử biệt chồng chết trước vợ. Con cháu về sau gặp tai ách liên miên.

Trai Đinh lấy vợ tuổi Dần - Sửu

"Cành phá châm phân hoa tàn hình tán"

Bình rơi gương vỡ châm gãy hoa tàn. Vợ chồng gặp nhau suy bại lân lân. Hữu sanh vô dưỡng chung cuộc sẽ đi đến chỗ kẻ còn người mất.

Trai Đinh lấy vợ tuổi Mẹo

"Đào nguyên yến hội viết tự khai hoa"

Tình duyên vui đẹp, con cái đầy đàn, học hành đỗ đạt. Trung niên gặp hạn xấu, có đứa con trai yếu vong tuổi già có đứa con bỏ đi rồi sau trở về sum hợp mẹ cha.

Trai Đinh lấy vợ tuổi Thìn và Ty.

"Bàng diêu ngọ xuân tài bạch thiên hào"

Nghĩa là chim đại bàng chim diêu là loại chim hải diêu cực lớn khi gặp mùa xuân đôi cánh chuyển ra đủ gây sóng gió, tiên bạc đôi dào lấy nhau đại phát như được hoạnh tài con cái đỗ cao, nổi nghiệp giàu lâu bền.

Trai Đình lấy vợ tuổi Ngọ và Mùi

"Song hoa phát giác, mình hiện chủ nhân"

Hai cành hoa đều tỏ rõ trước mặt chủ nhân ông. Vợ chồng trước có trắc trở rồi mới gặp nhau khó nuôi con, cần tìm con nuôi mới yên vui gia đình. Sau khi có con họa con rơi bên ngoài đem về nuôi thì đại phát, rất có hiếu thảo, học hành đỗ đạt, phước lộc song toàn.

Trai Đình lấy vợ tuổi Dậu và Thân

"Dũng hổ uy quyền, tướng soái thiên vạn"

Quyền oai như cọp mạnh phong tướng soái chấp chưởng muôn quân. Vợ chồng tảo phát, tảo thành công danh rạng rỡ, con cái vui học hành đỗ đạt. Nhưng đến tuổi già lại làm đại nạn như một lão tướng da ngựa bọc thây ngoài trận địa.

Trai Đình lấy vợ tuổi Tuất và Hợi

"Trúc thuyền ngộ phong ngư cử hải lãng"

Thuyền tre thuyền nạn gặp gió như các vượt sóng to tuổi vợ chồng gặp nhau như thuyền nhẹ gặp gió xuôi thuận một lèo như các nhảy trên đầu sóng, phu hiển thế minh, con cái đỗ đạt.

CHỮ MẬU

Trai Mậu lấy vợ tuổi Tý tuổi Sửu và Dần

"Minh châu hiển thoại thiết thọ hoa khai"

Được ngọc minh châu là được hiển mọi điều lành, cây sắp trở hoa cũng lại đại kết xương vợ chồng phối hợp vừa

sắc phú tài. Trai có danh giá có hạnh, sanh con cái khôn ngoan tài tuấn thi cử đỗ đạt. Riêng tuổi Sửu và Dần thì về già chồng bị tiểu tật nhưng vô hại.

Trai Mậu lấy vợ tuổi Meo

"Ngư du tiểu ngạch hữu tử cách trở"

Cá lợi dụng đâu, có con cách trở. Vợ chồng gặp nhau ở nơi xứ lạ quê người thì được. Bằng mà ở chỗ đông hương thì bần cùng cơ khổ, có con khó nuôi, nuôi được lớn lên cũng ly biệt. Nên đi xa xứ lập nghiệp về già mới được yên vui.

Trai Mậu lấy vợ tuổi Thìn

"Ngọc xuất côn sơn - vinh nhục bất toàn"

Núi có sơn có ngọc, sự vinh nhục không đều. Vợ chồng gặp nhau trước khổ, sau sang. Tiền bần hậu phú, thì trước rớt sau đâu. Đường công danh gặp may con cháu đông đủ.

Trai Mậu lấy vợ tuổi Ty và Ngọ

"Minh châu biến sắc hắc, nữ tử ngoại gian"

Ngọc sáng hóa đen, gái sanh gian ý, vợ chồng tương xứng, gái sắc trai tài. Công danh đắc lợi, sanh con trai đầu lòng, nhưng sau nữa nếu sanh con gái không được đầm ấm.

Trai Mậu lấy vợ tuổi Mùi và Thân

"Lễ thánh triều thiên nam nữ thịnh vượng"

Lễ trời lạy thánh vợ chồng con cái vui đẹp. Đẹp đôi số phu thuận thê hòa. Phú quý đều đều con cháu đời đời nối dõi.

Trai Mậu lấy vợ tuổi Dậu

"Cầm sắc tục huyền, tái thủ sanh nam"

Đầu phải nối dây sinh trai nối dõi, vợ chồng sanh ly tử biệt. Lần sau hoặc có thêm hầu thiếp mới có con trai.

Trai Mậu lấy vợ tuổi Tuất và Hợi

"Nguyệt đầu thủy, ngộ sát Giang hà"

Trăng chìm đáy nước dễ nguy trên sông biển. Vợ chồng vui đẹp đây vẻ phong lưu, nhưng chỉ có sự rục rờ bên ngoài, còn bên trong thì mang nhiều cay đắng. Gặp hoạn nạn, trộm cướp trên đường sông biển. Nếu cưới nhau ở xứ lạ quê người thì tốt.

CHỮ KỶ.

Trai Kỷ lấy vợ tuổi Tý

"Nông trang điền canh đại lộc tam cốc"

Nghĩa là: ruộng vườn cây cấy có lợi về lúa thóc tầm dâu. Vợ chồng trước cực sau sang hợp chăn nuôi trồng trọt cần cù mà giàu, con cái khá giả.

Trai Kỷ lấy vợ tuổi Sửu

"Khô mộc sanh hoa tàn sao nhi khứ"

Nghĩa là: cây khô trở bông. Nên rời bỏ quê hương lập nghiệp xứ khác hoặc về quê vợ khi có sanh nhưng khó nuôi con cũng khó.

Trai Kỷ lấy vợ tuổi Dần và Mạo

"Thê tử hào hiệp hoa lệ đường hoàng"

Vợ đẹp con ngoan, nhà cửa vui đẹp. Có vợ rồi lại có tiếp vợ kế. Sinh toàn con trai không có con gái. Nên rời quê hương làm ăn phát đạt con đỗ cao khoa.

Trai Kỷ lấy vợ tuổi Thìn và Tỵ

"Khứ cực sanh tâm quần âm sáo tận"

Nghĩa là: thay cũ đổi mới khí âm rồi vợ chồng gặp nhiều trắc trở, đều thương yêu mấy cũng chịu xa lìa, trước tan sau hiệp nhưng cũng hiếm con vì chỗ chôn mồ mã của tổ tiên âm đức đã hết, phải tìm con nuôi, cầu may cũng khá.

Trai Kỷ lấy vợ tuổi Ngọ

"Tẩu mã trường thành nguyệt đương thiên"

Nhứt nghĩa là giục ngựa tràng thành mặt nhọt mặt nguyệt sáng chói. Đời trước không thành bỏ sang xứ khác, tái lập gia đình sanh con đỗ đạt, danh lợi đều có rực rỡ hơn người.

Trai Kỷ lấy vợ tuổi Mùi và Thân

"Tán thuyền hạ thủy - niên đại vinh xương"

Thuyền mới vừa cho xuống nước, đời đời được hưởng sang giàu. Vợ chồng xứng đôi vừa sắc vai lứa - gái tân. Sinh con cái thông minh thì đỗ đại phước thọ lâu dài.

Trai Kỷ lấy vợ tuổi Dậu

"Thủy hỏa tương xứng phu thê ly biệt"

Nước lửa xung khắc, vợ chồng chia lìa. Tuy ăn ở con cái với nhau song có người góa bụa. Nếu vợ không bỏ đi thì chồng cũng mạng yếu.

Trai Kỷ lấy vợ tuổi Tuất

"Nhật lạc hoàng hôn đôi tài tư bạ"

Nghĩa là trời chiều bóng ngả tiên hết thân hư! Nếu sanh hợp mùa, cưới gả đúng ngày giờ tốt thì chồng suy yếu nhưng vẫn còn sống thọ về sau nhờ con cũng được yên vui.

Trai Kỷ lấy vợ tuổi Hợi

"Thần tiên giáng hạ, nhật lạc tây thiên"

Nghĩa là: thần tiên xuống trần chiều nắng tắt. Vợ chồng hòa hợp, cư sử lễ nghi mỗi ngày mỗi mới. Trời hết ngày tới đêm, đêm sáng lại ngày. Con cái thông tuệ, trai đỗ cao, gái con duyên làm rạng rỡ tổ tông nhờ dâu hiền rẻ thảo.

CHỮ CANH

Trai Canh lấy vợ tuổi Sửu và Dần

"Châu huyện khai môn thiên địa tuyệt khí"

Cửa châu huyện đều mở, hai khí âm dương đã hết. Sanh đúng thời cưới đúng thời sẽ có con trai. Nếu trái lại chỉ có được một người học hành khá thi đỗ cao mà thôi.

Trai Canh lấy vợ tuổi Meo

"Thiết thuyền độ hải - chủ tử bất ách"

Thuyền sắt vượt biển, chết không tai ách, đó là sự bền vững kiên cố. Vợ chồng gặp nhau đâu có gian khổ nhưng sau sang sướng cả còn cái hiển vinh.

Trai Canh lấy vợ tuổi Thìn, Ty.

"Vân thê thất lộ, đại tán kỹ hung"

Thang máy đã nổ, mọi sự hung dữ đều đem chôn cả. Dù thi rớt lấy vợ cũng làm nên và thi đỗ. Con trai sanh nhiều học giỏi đỗ cao sanh sau già góa vợ.

Trai Canh lấy vợ tuổi Ngọ

"Mã đạp trường thành phú quý vô hạn"

Ngựa vượt trường thành, giàu sang không có hạn định. Thi đỗ cao lấy vợ giàu sang vô định. Đó là sang thời thuận khác thì

CHỮ TÂN

Trai Tân lấy vợ tuổi Mão

"Trung thiên nguyệt chiếu, ba dào tịnh lãng"

Trăng sáng giữa ban ngày, sóng gió yên lặng. Vợ chồng lấy nhau trước nghèo sau giàu. Con cái thông minh khéo léo thi cử đỗ đạt.

Trai Tân lấy vợ tuổi Thìn và Ty

"Long khôn vô võ, điền tài miên miện"

Rồng cạn thiếu mưa, thiếu con trai đâu có cũng không học hành đỗ đạt. Tốt hào con gái, tiền bạc ruộng vườn giàu có lâu bền.

Trai Tân lấy vợ tuổi Ngọ

"Nhập hải tâm châu, khai hoa kết tử"

Xuống biển tìm châu, hoa nở kết trai. Sinh con gái đồng như con trai là quý tử thông minh thi đậu khoa cao.

Trai Tân lấy vợ tuổi Mùi và Thân

"Niên ngộ phong tật, hữu tử nan dưỡng"

Năm gặp bệnh tật sanh con khó nuôi trước sướng sau khổ, nếu mồ côi mẹ cha cả lấy nhau rất hợp, tuy vậy con cái cũng ít phước thì khó đậu lại có bệnh tật khó nuôi.

Trai Tân lấy vợ tuổi Dậu

"Tung hoành đắc chí, hữu tử nan thành"

Dọc ngang tung hoành, sanh con có tài trưởng thành. Tổ 4 đời là người có thành danh nhưng đến con cháu sau âm đức suy giảm. Trai có một lần vợ, gái có một lần chồng hoặc gặp gỡ nhau trước khi cưới thì hợp. Tuy vậy sau cũng không bền, có con khó nuôi làm ăn may rủi không chừng.

Trai Tân lấy vợ tuổi Tuất và Hợi

"Phu phê phán mục, nhứt lạc tây thiên"

Vợ chồng thù nghịch, mặt trời xế non tây. Vợ sanh dễ khó đạt. Đời vợ sau mới ăn ở đến già.

CHỮ NHÂM

Trai Nhâm lấy vợ tuổi Mùi

"Âm dương bất giao, nhơn khẩu bất miến"

Trời không thuận miệng, người không vừa. Lấy nhau không hợp, đường sinh bất trắc. Nếu có con học hành cũng khá nhưng về sau cũng bệnh tật rủi ro, không được hưởng lâu dài.

Trai Nhâm lấy vợ tuổi Thân

"Vân lộ thất - Cầu sự thành"

Đường mây lạc hướng, mọi việc đều khó. Lấy nhau tuy con cái đông làm ăn khá nhưng không bền, giàu thì đâu, làm quan bị giáng chức. Nếu lấy nhau ở xứ xa hay trai đã có một đời vợ thì tốt.

Trai Nhâm lấy vợ tuổi Dậu.

"Hanh lộ ngộ phong, cầu tài bất lợi"

Đường đi gặp gió ngược, cầu tài không có, nguy hại vô cùng lấy nhau đã khổ, làm ăn vất vả, sanh con không nuôi được.

Trai Nhâm lấy vợ tuổi Tuất và Hợi.

"Chiết quế thêm cung - Huỳnh long xuất hiện"

Trai gái đẹp duyên, môn đăng hộ đối, âm đức vương tương sinh trai gái hiền, đỗ đạt cao khoa, vinh hiển lâu dài.

CHỮ QUÝ

Trai Quý vợ tuổi Tý

"Long triều hổ phục, khuyến đầu sanh trúc"

Rồng châu cạp núp. Đau chó sanh hoa tre. Trường thọ mà phú quý, nếu lấy nhau mà ở xa quê hương thì con cháu đều đại tiến phúc lộc đời đời.

Trai Quý lấy vợ tuổi Sửu và Dần

"Nhục nguyệt dương thiên, hoa khai ngộ tuyết"

Nên lấy vợ xa quê hương làm ăn phát đạt, học hành thi đỗ, sanh con cái đẹp thông minh thi đậu khoa cao, có rể hiếu dâu quý.

Trai Quý lấy vợ tuổi Mẹo

"Đào liễu phùng xuân, phùng hoàng chuyên dục"

Đào liễu gặp gió xuân, chim phượng hoàng đang mở rộng cánh bay cao. Người xanh mùa xuân hợp số lấy nhau ở xa quê hương đại phát, nhưng không bền, e chốn phòng khuê có điều sâu khổ có thể xa lìa nhau.

Trai Quý lấy vợ tuổi Thìn, Ty

"Tục dung thành tiên - Đào nguyên yên hội"

Người tục nên tiên, vào động đào nguyên hội yếu. Nếu hai người cùng là con mồ côi thì đại quý cách. Vợ chồng phát đạt sớm, con gái ngoan đẹp, thuận hòa, vui vẻ, chung tình hưởng phúc đến già.

Trai Quý lấy vợ tuổi Ngọ

"Nhục thực tinh quang - thiên địa vô vũ"

Trời không có mưa, mặt nhật nguyệt trong sáng. Thiên địa hòa nhu phụ thành. Trồng trọt chăn nuôi phát

sớm. Sanh con cái thông minh phát đạt. Tuổi gái giáp Ngọ lấy trai Quý Hợi là cực tốt.

Trai Quý lấy vợ tuổi Mùi và Thân

"Ngư quá vũ môn - Long thành đặc chí"

Cá vượt vũ môn, Rồng uốn lên mây. Rất tốt. Vợ chồng hòa thuận gặp dịp may. Sinh con hiếu thảo, thi đỗ đạt hưởng phúc lộc bền lâu.

Trai Quý lấy vợ tuổi Dậu

"Điện nhập võ trung - Liệt mã chiết túc"

Chim bị lọt lưới, ngựa mạnh què chân. Lấy nhau vui đẹp nhưng phi bàn tắc yển. Nghèo thì bằng được đỗ đạt, khá giả thì yển. Con cái thọ không được sáng sủa.

Trai Quý lấy vợ tuổi Tuất và Hợi

"Nguyệt trâm thượng hải, long khôn vô vũ"

Trang chìm biển thẳm, Rồng khôn vì mưa. Cưới gả xong phát lộc ít lâu rồi cũng suy loại. Thi đỗ thì chết yếu. giàu lớn cũng giảm thọ, con cái không thông đạt.

Bên trên là trọn 12 con giáp trong mỗi tuổi của nữ mạng so với 10 thiên can của nam mạng xem tốt xấu ra sao.

Sau đây là chọn cung để phối hợp. Nếu được tương sanh thì nên bằng nghịch khác thì suy bại tám cung của chúng ta, tượng theo bát quái gọi là.

Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài

(Trời - Nước - Núi - Sấm - Lửa - Đất - Đầm)

Sau đây là bảng lập thành có lời bình giảng rõ ràng, xin nhắc lại muốn biết người có độ tuổi gì, thuộc cung gì trong 8 cung, xin xem bảng lập thành sau đây:

1 Tuổi	2 Cung	3 Tuổi	4 Cung	5 Mệnh
Giáp Tý	Chấn	Ất Sửu	Tốn	Kim
Bính Dần	Khảm	Đinh Mão	Cản	Hỏa
Mậu Thìn	Đoài	Kỷ ty	Cấn	Mộc
Canh Ngọ	Ly	Thân Mùi	Khảm	Thổ
Nhâm Thân	Khôn	Quý Dậu	Chấn	Kim
Giáp Tuất	Càn	Ất Hợi	Đoài	Hỏa
Bính Tý	Cấn	Đinh Sửu	Ly	Thủy
Mậu Dần	Khảm	Kỷ Mão	Khôn	Thổ
Canh Thìn	Chấn	Tân Ty	Tốn	Kim
Nhâm Ngọ	Ly	Quý Mùi	Càn	Mộc
Giáp Thân	Khôn	Ất Dậu	Chấn	Thủy
Đinh Tuất	Tốn	Đinh Hợi	Chấn	Thổ
Mậu Tý	Càn	Kỷ Sửu	Đoài	Hỏa
Canh Dần	Cấn	Tân Mão	Ly	Mộc
Nhâm Thân	Khảm	Quý Ty	Khôn	Thủy
Giáp Ngọ	Ly	Ất Mùi	Khảm	Kim
Bính Thân	Khôn	Đinh Dậu	Chấn	Hỏa
Mậu Tuất	Tốn	Kỷ Hợi	Cấn	Mộc
Canh Tý	Càn	Tân Sửu	Đoài	Thổ
Nhâm Dần	Cấn	Quý Mão	Ly	Kim
Giáp Thìn	Tốn	Ất Ty	Đoài	Hỏa

Bính Ngọ	Càn	Đinh Mùi	Đoài	Thủy
Mậu Thân	Cấn	Kỷ Dậu	Ly	Thổ
Canh Tuất	Khảm	Tân Hợi	Khôn	Kim
Nhâm Tý	Chấn	Quý Sửu	Tốn	Mộc
Giáp Dần	Cấn	Ất Mão	Ly	Thủy
Bính Thìn	Khảm	Đinh Tỵ	Khôn	Thổ
Mậu Ngọ	Chấn	Kỷ Mùi	Tốn	Hỏa
Canh Thân	Khôn	Tân Dậu	Càn	Mộc
Nhâm Tuất	Tốn	Quý Hợi	Cấn	Thủy

PHẦN VỀ CUNG (BÁT SAN GIAO HỢP)

1. Cung càn

- * Trai cung Càn lấy gái cung Càn
Lương Càn phục vị tốt vừa thôi
Sợ lúc tuổi già chẳng đủ đôi
Con cháu trung bình không bạo phát
Ruộng vườn nhà cửa lập hai nơi
- * Trai cung Càn lấy gái cung Khảm
Lưỡng thủy triều nguyên phước đức sinh
Chăn nuôi lục súc nghiệp không thành
Dâu hiền rẻ thảo nền khoa cử
Thôn ấp ngợi khen lộc sẵn thành
- * Trai cung Càn lấy gái cung Cấn
Cung vị trường sanh được rộng hòa

Giàu sang nhờ cậy ở tay bà
Chứa nhiều Phúc Đức cho con cháu
Sung sướng cùng nhau đến tuổi già
* Trai cung Càn lấy gái cung Chấn
Khẩu thiệt giao tranh có đấu tranh
Vợ chồng Ngũ Quý họa trường sanh
Cửa hàng ruộng đất rồi tiêu sạch
Tử biệt sanh ly khó tạo thành
* Trai cung Càn lấy gái cung Tốn
Càn - Tốn hai cung khắc rõ ràng
Cưỡng cầu kết hợp thể sao an
Nếu không họa hoan miên đến
Cũng sẽ chia ly người mỗi nơi
* Trai cung Càn lấy gái cung Ly
Càn - Ly tuyệt mạng ở sao Yên
Sanh nở nguy nam lắm lụy phiền
Tử biệt - sanh ly như đờn sẵn
Khi nghèo đắc thọ, phú quý thiên
* Trai cung Càn lấy gái cung Khôn
Thiên địa Càn, không hợp một nhà
Vận hành san khí phát lạm đa
Nhiều tài, nhiều lộc nhiều con cái
Phát đạt giàu sang thẳng đến già
* Trai cung Càn lấy gái cung Đoài
Vàng thoi vàng khối lại sanh vàng
Mước lộc Diên Niên tuổi thọ khang

Con cháu nên danh hưng tổ nghiệp,
Cần - Đoài phối hợp chác giàu sang

2. Cung Khâm

* Trai cung Khâm lấy gái cung Khâm
Lương Khâm trung cung cũng tạm nhân
Cưới nhau sớm phải chia trung tang
Nếu bằng biệt lập xa cha mẹ
Con cháu rồi sau cũng có đàn

* Trai cung Khâm lấy gái cung Cấn
Cấn, Khâm hình tượng số định rồi
Lấy nhau chỉ để lụy nhau thôi
Cửa nhà sơ xác thân cơ cực
Ngũ Quý đeo theo cứ báo đời

* Trai cung Khâm lấy gái cung Chấn
Nước gặp gió to dậy sóng lên
Thiên Y Chấn - Khâm số làm nên
Cháu con đông đúc tài miên thạch
Hỏa quế y quan rục trước thềm

* Trai cung Khâm lấy gái cung Tốn
Khâm - Tốn nên chuyên phước lớn thay
Thiên Y quan lộc hưởng lâu dài
Cửa hàng khang lệ chẵn nuôi Vương
Con cái thông minh đủ chí tài

* Trai cung Khâm lấy gái cung Ly
Khâm - Ly thủy hỏa chớ nên gần
Phước đức dẫu nhiều cũng cách phân

Nếu số xa quê mà gặp gỡ
Cũng cho làm tạm sống thanh bần
* Trai cung Khảm lấy gái cung Khôn
Khảm - Khôn tuyệt mạng biết làm sao
Dẫu bị oan gia từ thuở nào
Kết hợp cùng thành sanh tử biệt
Cháu con nối bước xuống âm tào
* Trai cung Khảm lấy gái cung Đoài
Thủy - Kim phối ngẫu được tương sinh
Trường thọ điều liên số đã thành
Con cháu hiền hiền hiếu lên danh phận
Vườn rộng chăn nuôi bại hóa thành
* Trai cung Khảm lấy gái cung Càn
Đặng hoa khảm càn số nghịch sanh
Lương duyên phú quý sớm lên danh
Có điều trai phải nhường cung vợ
Nể mặt nhau cho mọi sự lành

3. Cung Cấn

* Trai cung Cấn lấy gái cung Cấn
Duyên hòa lương cấn thật gian nan
Một khúc tương tư mấy nhịp đàn
Nghèo khổ gần nhau giàu cách trở
Xa quê hòa hiệp số thanh nhàn
* Trai cung Cấn lấy gái cung Chấn
Lục sát tương hình kết lứa đôi
Công danh sự nghiệp nước mây trôi

Mẹ cha con cái đều suy bại
Khốn khổ suy ai suốt cuộc đời
* Trai cung Chấn lấy gái cung Tốn
Hai cung tuyệt- mạng trở nên gần
Cưỡng ép rồi sau họa hại thân
Bịnh hoạn liên miên tiền của sạch
Chồng bên núi Sở vợ bên Tần
* Trai cung Cấn lấy gái cung Ly
Cấn-Ly phước đức vốn tương sanh
Nhà cửa khang trang vườn đất rộng
Cháu con hiền hiếu lập nên danh
* Trai cung Cấn lấy gái cung Khôn
Cây khô gặp lửa gọi trường sinh
Sớm gặp bại suy muộn mới thành
Sanh khí tuy nhiều nhưng phải chậm
Cháu con rồi cũng có uy danh
* Trai cung Cấn lấy gái cung Đoài
Cấn-Đoài số ấy được diên niên
Chồng Mộc vợ kim khắc cứng phiên
Giàu có ai là con hiếm muộn
Gặp nhau xa xứ mới là yên
* Trai cung Cấn lấy gái cung Càn
Thủy lãng dương mộc vợ nuôi chồng
Bởi mạng cung cao bà hiếp ông
Con cháu đầy nhà nhờ phước đức
Rể hiền dâu thảo rạng gia phong

* Trai cung Cấn lấy gái cung Khảm
Cấn-Khảm giao hòa sự khó hòa
Biến hình ngũ quý họa không sa
Tuy sang mà khắc vi phương vị
Con cháu suy vi hại thất gia

4-Cung Chấn

* Trai cung Chấn lấy Gái cung Chấn
Rừng cao gió lạnh vụt ào ào
Hoa trái tươi rời cành lá hao
Lập nghiệp gian nan mới đạt chí
Phước lành cũng được hưởng về sau

* Trai cung Chấn lấy gái cung Tốn
Mộc họa tương sanh nhưng nghịch thường
Cung Chồng kém vợ phải chịu nhường
Dù có cách trở rồi sau hợp
Con cháu diên liên phước thọ trường

* Trai cung Chấn lấy gái cung Ly
Chấn-Ly sanh khí được giao hòa
Phát đạt giàu sang rạng thất gia
Con cháu lâu bền danh vọng lớn
Tương lai thêm nức tiếng tâm nhà

* Trai cung Chấn lấy gái cung Khôn
Chấn-Khôn họa hại khó lương duyên
Mộc thổ tương hiểm lắm lụy phiền
Nhà cửa, ruộng vườn cũng có hết
Con cháu đau ốm khổ liên miên

* Trai cung Chấn lấy gái cung Đoài
 Chấn-Đoài tuyệt mạng khó liền nhau
 Mộc khắc, kim thương khó nói sao
 Nếu đã mà đeo khổ lụy
 Cháu con hoạn nạn lại xa nhau
 * Trai cung Chấn lấy gái cung Càn
 Chấn-Càn lục sát họa đeo đa
 Chồng vợ bất hòa lắm đặng cay
 Nếu được giàu sang thì cách trở
 Gần nhau lệ đổ xuống canh dài
 * Trai cung Chấn lấy gái cung Khảm
 Càn-Khảm thiên y ấy lộc trời
 Cây nhờ nước tưới là hoa tươi
 Cháu con thông tuệ đều khoa bảng
 Lộc hưởng vinh sang phước để đời
 * Trai cung Chấn lấy gái cung Cấn
 Chấn-Cấn kết duyên ngũ- quý sanh
 Cửa nhà sự nghiệp lập sao thành
 Cháu con bệnh tật tài hao tán
 Chồng vợ khơi sâu lệ trắng canh

5. Cung Tốn

* Trai cung Tốn lấy gái cung Tốn
 Hai Tốn yêu nhau hóa hại nhau
 Gần nhau thì số chịu thương nhau
 Cửa nhà thiếu hụt còn đau bệnh
 Gần khó, xa nhau mới được giàu

* Trai cung Tôn lấy gái cung Càn
 Tôn-Càn Thủy Hỏa khó yên thập
 Hoà hại trường sanh biết mấy lần
 Nhà cửa lạnh lùng tiền của hết
 Cháu con thoi cũng chịu cơ bần
 * Trai cung Tôn lấy gái cung Cấn
 Số ghi tuyệt mạng khó nên duyên
 Đeo đẳng càng sanh nói lụy phiền
 Buồn khổ lại thêm nhiều hoạn nạn
 Cháu con vất vả và khó cầu yên
 * Trai cung Tôn lấy gái cung Chấn
 Phước đức cũng nhờ ở tổ tông
 Tôn khôn phối hợp đẹp mấy rông
 Cửa nhà thanh vượng cháu con quý
 Đại phú do thiên tiểu phú cần
 * Trai cung Tôn lấy gái cung Ly
 Tôn-Ly phối ngẫu vốn tương hòa
 Cưới hỏi ba năm rạng cửa nhà
 Con cháu học hành đều đỗ đạt
 Ranh danh nhờ lên nghiên
 * Trai cung Tôn lấy gái cung khôn
 Ngũ-Quỷ hình tương ám ảnh hoài
 Rốt rồi nam bắc phải chia hai
 Nếu còn vương vấn dây con cái
 Cũng phải bôn ba đến sứ ngoài
 * Trai cung Tôn lấy gái cung Đoài

Số sao cay đắng cai thân mình
Lục - Sát tương xung phạm khắc hình
Nhà cửa ruộng vườn tiền của sạch
Cháu con cơ khổ lắm đình hàn

6. Cung Ly

- * Trai cung Ly lấy gái cung Ly
Lương Ly chưa hiệp thấy mới suy
Hai hóa gặp nhau tất có khi
Nghèo khó gặp nhau giàu tử biệt
Vợ chồng đôi ngã con phân ly
- * Trai cung Ly lấy gái cung Càn
Ly - Càn thủy hỏa chớ nên gần
Phận mỏng thà cam chịu rẽ phân
Nếu được cùng nhau đầu tóc bạc
Cháu con nghèo khó mang cơ bản
- * Trai cung Ly lấy gái cung Khảm
Chúng thủy triều nguyên phước đức sanh
Đường hoàng hạo lẽ đẹp gia đình
Cháu con hiển đạt nên cung phận
Giàu lớn số trời - giàu nhỏ mình
- * Trai cung Ly lấy gái cung Cấn
Hai người khắc chớ nên duyên
Hoa hoại buồn thương lắm lụy phiền
Bệnh hoạn triền miên tiền của sạch
Cháu con nghèo khó lại không hiền
- * Trai cung Ly lấy gái cung Chấn

Sinh - khí một vàng ánh sáng tươi
Đẹp duyên cầm sát số do trời
Cửa cao nhà rộng con hiền hiếu
Lộc thọ vinh sang phúc hưởng đời
* Trai cung Ly lấy gái cung Tốn
Trai Ly gái Tốn số trời dành
Sớm muộn rồi đây cũng rạng danh
Con cháu nhớ in cha mẹ đẻ
Vinh sang phước lộc thưở ngày sinh
* Trai cung Ly lấy gái cung Khôn
Một giải Ngân hà đã trải qua
Vi phương Lục - Sát khó giao hòa
Chăn nuôi vườn rộng không nên nghiệp
Gặp gỡ xa quê tạm gọi là
* Trai cung Ly lấy gái cung Đoài
Hai ngôi Ngũ - Quỷ khắc xung hình
Gặp gỡ sau sao cũng phát sinh
Tang tóc mẹ cha sâu tử tức
Mỗi người mỗi ngã hận ly tình

7. Cung Khôn

* Trai cung khôn lấy gái cung Khôn
Tai nạn liên miên khổ dập dồn
Nếu tình duyên kết Khôn với Khôn
Công danh sự nghiệp mòn con mắt
Kẻ ở người đi cách nước non
* Trai cung Khôn lấy gái cung Càn

Diên niên phước ấy lộc miên đường
Con cháu lâu dài hưởng thọ xương
Lập nghiệp chuyên cần lại tích thiện
Trai hiền rẻ hiếu rạng gia đình

* Trai cung Khôn lấy gái cung Khảm
Khản Càn số khắc khó nên duyên
Nếu giàu thì yên - khó nghèo yên
Cháu con vất vả thân đa bệnh
Gia đạo suy vi lắm lụy phiền

* Trai cung Khôn lấy gái cung Cấn
Phải chịu gian nan buổi đầu
Ba năm nghỉ cũng chẳng bao lâu
Sau này phước lộc trời cho đó
Nhà cửa vinh sang lộ phải cầu

* Trai cung Khôn lấy gái cung Chấn
Họa hại trùng phùng kéo tới đây
Chấn Khôn khó hiệp nợ duyên này
Sống lâu thêm khổ, giàu ly biệt
Con cháu vô can bị vạ lây

* Trai cung Khôn lấy gái cung Tốn
Hôi ở xa nhau thương nhớ nhau
Gần nhau không cãi cũng sanh đau
Trong ngày Ngũ - Quý 5 phương dậy
Kết cuộc nhà xiêu gió thổi nhào

* Trai cung Khôn lấy gái cung Ly
Lục sát hình sung khó kết thành

Ngân hàng trắng xóa nước mênh mông
Tha phương gặp gỡ còn nhàn hạ
Một sứ giao hòa hoạn họa sanh
* Trai cung Khôn lấy gái cung Đoài
Thiên - Y Kim - Thổ lộc trời ban
Phước lộc miêu trường con cái sang
Vườn rộng cửa nhà đây Mỹ - Lệ
Trăm năm vui hưởng chữ Bình - An

8. Cung Đoài

* Trai cung Đoài lấy gái cung Đoài
Nhục lạc non đoài sương sấp rơi
Gặp nhau rồi cũng cách đôi nơi
Nếu không khăn trắng cài lên tóc
Thì khổ triền miên cả cuộc đời
* Trai cung Đoài lấy gái cung Càn
Đoài - Càn phúc đức lớn vô cùng
Kim Thủy tương sanh được thủy chung
Con cháu sau này thành đại nghiệp
Trai hiền gái hiếu ven câu thề
* Trai cung Đoài lấy gái cung Khảm
Khảm - Đoài họa hại mà tương sanh
Gặp nhau xa xứ chắc nên danh
Dầu không phú quý vinh hoa lớn
Cũng hưởng an khang con cháu vinh
* Trai cung Đoài lấy gái cung Cấn
Cháu quý con vinh phước đức nhàn

Diên niên ấy phước tự trời an
Đầu xanh yêu kính như đầu bạc
Không được giàu to cũng được
* Trai cung Đoài lấy gái cung Chấn
Mộc khắc Kim thương quá rõ ràng
Chấn - Đoài tương hợp khó bình an
Nếu không nghèo khổ nhiều đau bệnh
Ắt cũng chia ly người mỗi đường
* Trai cung Chấn lấy gái cung Tốn
Trái số nên không trọn nợ duyên
Hình Xung Lục Sát ở soa yên
Công danh tài lợi cầu không được
Tử biệt sanh ly con cháu phiền
* Trai cung Đoài lấy gái cung Ly
Mạ cha tang tóc con cháu buồn
Ngũ - Quỷ phạm thì giọt lệ tuôn
Đa sanh bệnh tật đa tai nạn
Vui ở buồn bay mỏng cánh chuồn
* Trai cung Đoài lấy gái cung Khôn
Trời dành cung số được Thiên - Y
Hợp mặt đủ đây có thiếu chi
Nhà cửa đường hoàng vườn rộng đất
Cháu con vinh hiển mấy ai bì

Sau đây xin chép hiến dâng quý vị độc giả mấy bài thơ đoán về sự sung khắc của cung mạng để quý vị tiện việc suy nghiệm

*** Vợ chồng cung đông mạng**

Đông cung - đông mạng bất tương khuy
Chiến khắc tướng phùng vong mặc bi
Nam hữu tiên hôn thành phú quý
Nữ phùng hậu giá bảo tương thù

Dịch là:

Đông cung đông mạng ai kém ai
Đấu khẩu giao tranh khắc phá hoài
Gái đã góa chồng trai góa vợ
Gặp nhau phú quá chẳng hề sai

*** Bát san tuyệt mạng (có thể chết)**

Bà càn đi chợ Hồ Ly
Mua con cá Càn làm chi Tốn tiền
Ông Kham lại học làm Khôn
Gánh nước non Đoai té Chân gãy lưng
Nghĩa là đại kỵ Can - Ly

CAN TÔN

KHAM KHÔN

ĐOAI CHÂN

*** Bát san giao chiến (rây rà luôn)**

Can kỵ tôn và ngược lại

KHÔN - CÀN

ĐOAI - LY

CAN - KHÔN
KHÔN - CHÂN
CHÂN - TÔN
KHAM - LY

Những phần trên là phép chọn tuổi để trai gái dựng vợ gả chồng. Đó là phép chọn Can - Chi và Cung - Mạng đó là 3 yếu tố chính yếu không nên sơ suất.

Sau khi chọn tuổi đôi nam nữ thì tời chọn năm , tháng, ngày giờ để làm lễ tân hôn. Thường thì ngày cưới gả cũng như ngày cất nhà hay xây cất mồ mả an táng thân nhân đều chọn những ngày giờ tốt giống nhau. Chỉ trừ một số ngày kỵ xấu thì có khác nhau trong một số các trường hợp.

Thí dụ như những ngày Sát chủ thọ tử, Tam nương Nguyệt

Kỵ dĩ làm việc chi cũng xấu. Còn như ngày (không sáng và không phòng) thì chỉ kỵ cho ngày cưới gả chứ không kỵ cho các việc khác. Cũng như năm Kim Lô, năm Hoang ốc thì chỉ riêng kỵ cho việc cất nhà mà thôi chứ không ăn thua chi tới việc cưới gả cả.

Vậy quý vị nên chú ý lấy điều này để khi lựa chọn theo sự chỉ dẫn trong sách này khỏi có điều chi thắc mắc.

HUNG NIÊN HAY TAM TAI

Thông thường thì từ xưa tới nay trai 20 tuổi thì tránh cưới vợ vì cho là bị tuổi hung niên thực ra năm 20 tuổi không có gì là xung kỵ cả - có điều chỉ nhận xét thì tuổi 20 mà đi lấy vợ thì quá sớm. Vậy nên tránh cưới vợ sớm chứ không nên đổ cho năm 20 tuổi là (Hung niên). còn về năm (tam tai) thì là đúng. Không những cưới gả mà cất nhà cũng kỵ nữa.

*** Tránh tam tai (kỵ cất nhà và cưới gả)**

Tuổi: Thân - Tý - Thìn tam tai ở năm Dần-Mẹo-Thìn

Dần - Ngọ - Tuất tam tai ở năm Thân - Dậu - Tuất

Ty - Dậu - Sửu tam tai ở năm Hợi - Tý - Sửu

Hợi - Mẹo - Mùi tam tai ở năm Ty - Ngọ - Mùi

Tuổi nào gặp (tam tai) không những cất nhà không tốt mà lấy vợ cũng xấu. Đây chỉ kể năm tam tai của tuổi con trai còn tuổi con gái không có sao vì hôn nhân là phần người nam.

*** Tránh tháng ngày và giờ sát chủ**

(Đại kỵ cất nhà - Cưới gả và an táng)

- Tháng sát chủ

Tháng giêng	sát chủ ngày	Tý
Tháng 2,3,7,9	sát chủ ở ngày	Sửu
Tháng 4	sát chủ ở ngày	Tuất
Tháng 11	sát chủ ở ngày	Mùi
Tháng 5,6,8,10,12	sát chủ ở ngày	Thìn

Có bài thơ rằng:

Một chuột đào hang đã an

Hai, ba, bảy, chín trâu ta hiệp bàng
Nắng hè bốn chó sủa dai
Sang qua mười một cột cây dê nằm
Tháng chạp, mười, sáu, tám, năm
Rồng nặng biển bắc bắt tằm ba đào
Ấy ngày sát chủ trước sau
Xây dựng cưới gả chủ châu Diêm Vương

- Ngày sát chủ (ky xây cất cưới gả)

Tháng 1 sát chủ ở ngày Ty

Tháng 2 sát chủ ở ngày Tý

Tháng 3 sát chủ ở ngày Mùi

Tháng 4 sát chủ ở ngày Mẹo

Tháng 5 sát chủ ở ngày Thân

Tháng 6 sát chủ ở ngày Tuất

Tháng 7 sát chủ ở ngày Hợi

Tháng 8 sát chủ ở ngày Sửu

Tháng 9 sát chủ ở ngày Ngọ

Tháng 10 sát chủ ở ngày Dậu

Tháng 11 sát chủ ở ngày Dần

Tháng 12 sát chủ ở ngày Thìn

Có bài thơ rằng:

Giêng rắn, hai chuột, ba dê năm

Bốn mèo, sáu chó, khỉ tháng năm

Tám trâu, chín ngựa, bảy heo nái

Một cọp, Mười gà, chạp rồng xâm

Bốn mùa đều có ngày sát chủ

Mùa Xuân	sát chủ ở những ngày	Ngo
Mùa Hạ	sát chủ ở những ngày	Tý
Mùa Thu	sát chủ ở những ngày	Dậu
Mùa Đông	sát chủ ở những ngày	Mao

- Mỗi tháng lại ấn một nầy sát chủ

Tháng 1, 5, 9	sát chủ các ngày	Tý
Tháng 2, 8, 10	sát chủ ở các ngày	Mao
Tháng 3, 7, 11	sát chủ ở các ngày	Ngo
Tháng 6, 4, 12	sát chủ ở các ngày	Dậu

- Giờ sát chủ

Tháng 1, 7	Sát chủ tại giờ	Dần
Tháng 2, 8	Sát chủ tại giờ	Ty
Tháng 3, 9	Sát chủ tại giờ	Thân
Tháng 4, 10	Sát chủ tại giờ	Thìn
Tháng 5, 11	Sát chủ tại giờ	Dậu
Tháng 6, 12	Sát chủ tại giờ	Mẹo

- Tránh ngày thọ tử (trăm sự đều ky)

Tháng 1	Thọ tử ở các ngày	Bính Tuất
Tháng 2	Thọ tử ở các ngày	Nhâm Thìn
Tháng 3	Thọ tử ở các ngày	Tân Hợi
Tháng 4	Thọ tử ở các ngày	Đinh Ty
Tháng 5	Thọ tử ở các ngày	Mậu Tý
Tháng 6	Thọ tử ở các ngày	Bính Ngọ
Tháng 7	Thọ tử ở các ngày	Ất Sửu
Tháng 8	Thọ tử ở các ngày	Quý Mùi
Tháng 9	Thọ tử ở các ngày	Giáp Dần

Tháng 4	Thọ tử ở các ngày	Đinh Tỵ
Tháng 5	Thọ tử ở các ngày	Mậu Tý
Tháng 6	Thọ tử ở các ngày	Bính Ngọ
Tháng 7	Thọ tử ở các ngày	Ất Sửu
Tháng 8	Thọ tử ở các ngày	Quý Mùi
Tháng 9	Thọ tử ở các ngày	Giáp Dần
Tháng 10	Thọ tử ở các ngày	Mậu Thân
Tháng 11	Thọ tử ở các ngày	Tân Mão
Tháng 12	Thọ tử ở các ngày	Tân Dậu

Có bài thơ rằng (ngày thọ tử)

	Tháng	Ngày
Giêng chó nằm kề gối bình an	1	Bính tý
Hai Rồng chấn phục núi thâm san	2	Nhâm Thìn
Tân ba lợn béo chuông còn đóng	3	Tân Hợi
Đinh bốn xà đeo ngọc rõ ràng	4	Đinh Tỵ
Chuột khoét nam hang mờ hương tỵ	5	Mậu Tý
Ngựa phi sáu vó Bính lai hoàn	6	Bính Ngọ
Ất đem trâu bán giá bày lượm	7	Ất Sửu
Quý dất Dê què đối tấm quan	8	Quý Mùi
Cọp ở Giáp Dần gầm chín tiếng	9	Giáp Dần
Khi nhỏ rừng Mậu gió mười phương	10	Mậu Thân
Mười một dương mèo tân khổ lụy	11	Tân Mão
Mười hai gà gáy sợ Tân tan	12	Tân Dậu

Giờ thọ tử (trăm sự điều ky)

Ngày Tý	Thọ tử ở tại giờ Sửu	(2, 3 giờ sáng)
Sửu	Thọ tử ở tại giờ Ngọ	(12, 1 giờ trưa)
Dần	Thọ tử ở tại giờ Ngọ	(6, 7 giờ sáng)
Thân	Thọ tử ở tại giờ Mão	(6 giờ sáng)
Mạo	Thọ tử ở tại giờ Ty	(10 - 11 giờ trưa)
Dậu	Thọ tử ở tại giờ Ty	(10 - 11 giờ trưa)
Thìn	Thọ tử ở tại giờ Ty	(10 - 11 giờ trưa)
Tuất	Thọ tử ở tại giờ Mùi	(2 - 3 giờ chiều)
Ngọ	Thọ tử ở tại giờ Mùi	(2 - 3 giờ chiều)
Mùi	Thọ tử ở tại giờ Ngọ	(12, 1 giờ trưa)
Ty	Thọ tử ở tại giờ Ngọ	(12, 1 giờ trưa)
Hợi	Thọ tử ở tại giờ Ngọ	(12, 1 giờ trưa)

Ngày vãng vong (trăm sự đều ky, chánh ky xuất hành)

Tháng 1	Vãng vong tại các ngày	Dần
Tháng 2	Vãng vong tại các ngày	Ty
Tháng 3	Vãng vong tại các ngày	Thân
Tháng 4	Vãng vong tại các ngày	Hợi
Tháng 5	Vãng vong tại các ngày	Mạo
Tháng 6	Vãng vong tại các ngày	Ngọ
Tháng 7	Vãng vong tại các ngày	Dậu
Tháng 8	Vãng vong tại các ngày	Tý
Tháng 9	Vãng vong tại các ngày	Thìn

Tháng 10	Văng vong tại các ngày	Mùi
Tháng 11	Văng vong tại các ngày	Tuất
Tháng 12	Văng vong tại các ngày	Sửu

Ngày nguyệt ky (trăm sự đều ky)

Trong một năm có 12 tháng mỗi tháng có 3 ngày nguyệt ky là mồng 5, 14, 23 không nên khởi đầu làm việc gì cả.

Mồng năm, mười bốn, hai ba

Làm gì cũng bại chẳng ra việc gì

Ngày tam nương sát

(Trăm năm đều ky, chánh ky xuất hành)

Thương tuần sơ tam dử sơ thất (mồng 5 và mồng 7) trong tuần tam, thập bậc dương (13 và 18 hạ tuần Niệm nhi, dử niệm thất (22 và 27).

Tháng 2 - 6 - 10 thiên tai địa họa ở ngày Mẹo

Tháng 3 - 7 - 11 thiên tai địa họa ở ngày Ngọ

Tháng 4 - 8 - 12 thiên tai địa họa ở ngày Dậu

TÌM THÁNG TỐT XẤU CHO CON GÁI XUẤT GIA

Tháng xuất gia của con gái có 2 điều tốt là Đại lợi hoặc tiểu lợi và có 4 điều xấu là:

Phòng phu chu - ky với chồng

Phòng thê chủ - ky với bản thân

Phòng công cô - ky với cha mẹ chồng

Phòng nhạc thân - ky với cha mẹ đẻ

Nếu trai gái mồ côi thì không cần sợ tháng ky công cô và nhạc thân

Còn về tháng tiên lợi là ky với ông bà mai chỉ làm giúp lễ cho đủ thì không ngại gì

Bảng lập thành tháng xuất giá

- Gái Tý-Ngọ Đại lợi ở tháng 6-12 Tiểu lợi ở 1-7
- Gái tuổi Sửu-Mùi Đại lợi ở tháng 5-11 Tiểu lợi ở 4-10
- Gái tuổi Dần-Thân Đại lợi ở tháng 2-8 Tiểu lợi ở 3-6
- Gái tuổi Mẹo-Dậu Đại lợi ở tháng 1-7 Tiểu lợi ở 6-12
- Gái tuổi Thìn-Tuất Đại lợi ở tháng 4-10 Tiểu lợi ở 4-11
- Gái tuổi Ty-Hợi Đại lợi ở tháng 3-9 Tiểu lợi ở 2-8
- Gái tuổi Ty-Ngọ phu chủ ở tháng 4-10 thê chủ ở 5-11
- Gái tuổi Sửu - Mùi phu chủ ở tháng 1 - 7 thê chủ ở 6 - 11
- Gái tuổi Dần-Thân phu chủ ở tháng 6-12 thê chủ ở 1 - 7
- Gái tuổi Mẹo-Dậu phu chủ ở tháng 3-9 thê chủ ở 2- 8
- Gái tuổi Thìn-Tuất phu chủ ở tháng 2-8 thê chủ ở 3-9
- Gái tuổi Ty-Hợi phu chủ ở tháng 5-11 thê chủ ở 4-10
- Gái tuổi Ty-Ngọ Công cô ở tháng 2-8 nhạc thân ở 3-9
- Gái tuổi Sửu-Mùi Công cô ở tháng 3-9 nhạc thân ở 2 -8

- Gái tuổi Dân-Thân Công cô ở tháng 4-10 nhạc thân ở tháng 5 - 11
- Gái tuổi Mẹo-Dậu Công cô ở tháng 5-11 nhạc thân ở tháng 4 - 10
- Gái tuổi Thìn-Tuất Công cô ở tháng 6-12 nhạc thân ở tháng 1 - 7
- Gái tuổi Ty-Hợi Công cô ở tháng 1-7 nhạc thân ở tháng 6 - 12

. PHẦN THỨ HAI

XEM TUỔI LÀM NHÀ

Tìm tránh năm hoang ốc

Muốn cất nhà trước tiên phải coi theo bàn tay này, mệnh danh là bàn tay hoang ốc

Đây không lập thành nên xin dẫn cách coi rất dễ chớ không khó khăn chi cả.

(Nó gồm 6 chữa như sau)

Nhứt kiết - Nhì Nghi - Tam địa Sát - Tứ tấu tài - Ngũ thọ tử và Lục hoang ốc. Khi chọn trùng Nhất kiết, Nhì nghi, Tứ tấu tài thì rất tốt còn gặp Tam địa sát, ngũ thọ tử và Lục hoang ốc thì rất xấu không nên xây dựng.

Tam đại sát Tứ tấu tài

Nhì nghi Ngũ thọ tử

Nhứt kiết Lục hoang ốc

Quý vị ngày 2 ngón tay trở vào giữa ra trong số đó mỗi ngón có 3 lóng tay rồi quý vị khởi đầu như vậy. Thí dụ người ta muốn cất nhà là 22 thì đếm 10 (ở nhứt khiết 0 - 20 (ở chữ nhì nghi) - 21 (ở chữ tam địa sát) - 22 (ở chữ tứ tấu tài). Như vậy người 22 tuổi được năm (tứ tấu tài) cất nhà được rất tốt.

Người 40 tuổi cũng đếm y như vậy có điều 1 lóng tay đếm thêm 10 tuổi. 41 và 22 tuổi đều có 4 lóng như nhau. Khi người 41 tuổi thì đếm lên 1 lóng tức là trùng chỗ Ngũ thọ tử không cất nhà được..

(thơ cho dễ hiểu) thơ rằng

Khởi từ một lóng đếm đi

Tuổi chục tuổi lẻ cứ y đếm vòng

Cách này nam, nữ đều xem chung và đếm theo chiều thuận của bàn tay trái.

Nghĩa là cứ đếm 10, 20, 30... rồi tới tuổi lẻ, thì đếm 31, 32, 33... đếm vòng sáu lóng tay tới năm đúng tuổi người đó (người coi ngày cất nhà) thì dừng lại rồi coi đúng vào nhứt khiết hay nhị nghi v.v...

Cần tránh năm tam Lai

Xin xem tuổi nào - gặp năm nào là Tam tai ở phần trên

Tránh ngày hoang ốc - Tứ quý

Trong bốn mùa mỗi mùa có một ngày hoang ốc cần phải tránh, nếu không cất rồi cũng không có người ở hoặc cái nóc nóc bỏ xuống lợp không rồi.

Bốn ngày đó như sau:

Mùa xuân hoang ốc tại những ngày Thân

Mùa hạ hoang ốc tại những ngày Dần

Mùa thu hoang ốc tại những ngày Mẹo

Mùa đông hoang ốc tại những ngày Mùi

Tránh tứ kim lâu theo tất cả các sách xưa đều đại kỵ, việc xây nhà nếu năm nào nhằm trúng (kim lâu). Vì rằng sự tai hại của sao kim lâu còn lằng dai hơn cả ngày thọ tử hay sát chủ, cho nên người xưa hết sức cẩn thận với (kim lâu)

Phương pháp tìm kim lâu cũng nằm trong bát quái nhưng Bát quái ở kim lâu lại thêm 1 là 9 nên gọi là "Cửu cung" đó là (Nhứt khảm - nhị khôn - tam chấn - tứ tốn - ngũ trung - lục càn - thất đoài - bát cấn - cửu ly).

Theo các sách cao ly đồ hình và ngọc hạp tránh đông đều nói là tuổi nào đúng với cung sung thì không còn nên cất nhà. Và lại định rõ là (Ngũ thập nhập cung trung) nghĩa là người nào đúng 50 tuổi thì nhập cung suy không nên cất nhà.

Tứ kim lâu gồm có:

1. Nhứt kim lâu thân kỵ gia trưởng đau ốm tai nạn
2. Nhị kim lâu thế kỵ vợ chủ nhà đau ốm chết chóc.

3. Tam kim lâu tử kỵ các con hay bị tai nạn
4. Tứ kim lâu lục sát kỵ gia súc không nuôi được

Phương pháp tính tử kim lâu

Kim lâu				Chỗ khởi đầu
Lục sát	Tôn	Ly	Khôn	1 kim lâu thân
Chấn		Cung	Đoài	
		Trung		
Kim lâu tử	Cấn	Khâm	Câm	kim lâu thệ

Cách tìm Kim lâu cũng giống như hoang-ốc nghĩa là cũng đếm mỗi chữ như trên một lóng tay là 10 rồi 20... khi hết tuổi chục sang tuổi lẻ thì cứ đếm luôn 21, 22, 23... xin nhớ mỗi tiếng đếm qua là một chữ một lóng tay tuổi nam hay nữ đều coi chung và khởi đầu đếm 10 từ cung Khôn 20, Đoài 21...

Thí dụ người muốn cất nhà năm ấy 32 tuổi thì tính 10 tại cung Khôn (trên lóng tay) 20 tại cung Đoài, 30 tại cung Cấn rồi 31 tại cung Khâm, 32 tại cung Cấn: đó là trúng Kim lâu tử không xây dựng tậu tạo được. Nếu người 33 tuổi thì đếm thêm một cung nữa nhằm cung Chấn là không bị tứ kim lâu và tốt dùng được.

Như vậy chúng ta thấy các cung tốt là: Khâm - Chấn Ly - Đoài, các cung Tứ Kim lâu là: Cấn - Cấn - Tôn - Khôn.

Còn về chữ (Ngũ thập nhập cung) cung khiết tương không nên quá tin. Vậy cứ tính theo cách này là đủ, không cần câu chấp câu trung bởi vì theo cách này thì

tuổi 50 cũng lại qua cung cầu tức là bị Kim lâu tử - không xây cất được thế là đủ cần chi để nhập cung tra.

Tránh những ngày kim thần thất sát.

Ngày kim thần thất sát nên xem trong niên lịch hàng ngày hễ thấy ngày nào có 7 vị sau này thì mọi sự đều không nên dùng. Đây cũng là một lục hại tinh.

Thất sát tinh là những ngày có sao Giác - can - Khuê - Lâu - Quỷ - Ngự và Sao tinh.

Nhơn chuyên - Trực tinh sát cống. Đây là bộ sao rất tốt cho sự xây cất nhà cửa cách xem theo bảng lập thành sau đây

Tháng giêng 4-7 và 10

Sao sát Cống ở những ngày Đinh Mão - Bính Tý - Ất Dậu - Giáp Ngọ - Quý Mão - Nhâm Ty và Tân Dậu

Sao trực tinh ở những ngày: Mậu Thìn - Đinh Sửu - Bính Tuất - Ất Mùi - Giáp Thìn - Quý Sửu - Nhâm Tuất.

Sao Nhơn chuyên ở những ngày: Tân Mùi - Canh Thìn - Kỷ Sửu - Mậu Tuất - Đinh Mùi - Bính Thìn.

Tháng 2-5-8 và 11

Sao Sát cống ở những ngày: Bính Dần - Ất Hợi - Giáp Thân - Quý Ty - Nhâm Dần - Tân Hợi - Canh Thân

Sao Trực tinh ở những ngày: Đinh mẹo - Bính Tý - Ất Dậu - Giáp Ngọ - Quý Mão - Nhâm Tý - Tân Dậu

Sao Nhơn chuyên ở những ngày: Canh Ngọ - Kỷ Mão
- Nhâm Tý - Đinh Dậu - Bính Ngọ - Ất Mão

Tháng 3-6-9 và 12

Sao Sát công ở những ngày: Ất Sửu - Giáp Tuất -
Quý Mùi - Nhâm Thìn - Tân Sửu - Canh Tuất - Kỷ Mùi

Sao Trục tinh ở những ngày: Bính Dần - Ất Hợi -
Giáp Thân - Quý Ty - Nhâm Dần - Tân Mão - Canh Tân

Sao Nhơn chuyên ở những ngày: Kỷ Ty - Mậu Dần -
Kỷ Hợi - Bính Thân - Ất Ty - Giáp Dần - Quý Hợi

Đây là những ngày tốt cho việc cất nhà, muốn tìm
những ngày này xin xem trong niên lịch hàng năm đều
có ghi can chi mỗi ngày.

Nên chọn ngày bất tương.

Ngày bất tương rất hợp cho mọi việc khởi đầu từ việc
xây cất - cưới gả, về nhà mới v.v...người ta thích tìm cho
được ngày bất tương. Sao là gọi là ngày bất tương mà lại
tốt?

Bất tương nghĩa là: không xung khắc sát phạt lẫn
nhau. Bởi vì trong sự cơ vi huyền bí của vũ trụ hàng ngày
âm tương là khắc sát về âm nữ, có ngày Dương Tương là
khắc sát, về dương Nam, lại có ngày âm Dương cụ tương
nghĩa là khắc sát cả nam và nữ vì thế sách có câu "Can
chi ti hòa danh viết bất tương" nghĩa là ngày nào Can chi

cũng hòa hợp không khắc sát thì mệnh danh là bất tương.

Lại cũng nói:

Âm tương nữ tử - Dương tương nam phong

Âm tương cụ tương - Nam Nữ giai thương

Mậu Tý - Canh Dần - Tân Mão

Hai Ất Sửu - Bính Dần - Đinh Sửu - Bính Tuất

Mậu Dần - Kỷ Sửu - Mậu Tý - Canh Tuất

Ba Ất Sửu - Đinh Sửu - Kỷ Ty - Đinh Dậu

Âm dương bất tương - toàn đắc kiết xương

Dịch là:

Âm dương hại gái - Dương tương hại trai

Âm dương đều tương trai gái tổn thương

Âm dương bất tương, trai gái kiết xương

Phép xem để tìm ngày bất tương:

Trong niên lịch mỗi năm đều có chọn sẵn những ngày Âm dương và bất tương. Nhưng đó là lịch của Tàu in chữ còn lịch của ta ít lưu tâm tới. Vì vật dễ mà khó vì ta có mấy người biết chữ Tàu .

Vậy để giúp quý vị tìm được những ngày bất tương một cách hết sức rõ ràng chúng tôi đã cho theo can, chi mà tìm trước rồi và lập thành bảng sau đây. Quý vị cứ

theo mỗi tháng, mà chọn ngày 10 là ngày gì nếu chúng vào ngày mình lựa thì đó là ngày bất tương.

BẢNG LẬP THÀNH CHI NGÀY BẤT TƯƠNG

Tháng	Ngày bất tương
Giêng	Bính Dần - Đinh Mão - Bính Tý - Kỷ Mão Mậu Tý - Canh Dần - Tân Mão
Hai	Ất Sửu - Bính Dần - Đinh Sửu - Bính Tuất Mậu Dần - Kỷ Sửu - Mậu Tý - Canh Tuất
Ba	Ất Sửu - Đinh Sửu - Kỷ Tý - Đinh Dần
Tư	Giáp Tý - Giáp Tuất - Bính Tý - Mậu Tý Ất Dậu - Bính Thân - Mậu Tuất - Đinh Dậu
Năm	Kỷ Mùi - Mậu Thân - Bính Thân - Bính Tuất Ất Mùi - Quý Dậu - Giáp Tuất - Giáp Thân - Ất Dậu
Sáu	Giáp Ngọ - Ất Mùi - Ất Dậu - Nhâm Tuất Giáp Thân - Nhâm Ngọ - Quý Mùi - Quý Dậu Nhâm Thân - Giáp Tuất
Bảy	Giáp Thân - Quý Mùi - Nhâm Thân - Quý Dậu Ất Dậu - Ất Mùi - Kỷ Mùi - Quý Tý Ất Tý - Giáp Tuất
Tám	Nhâm Ngọ - Quý Mùi - Mậu Ngọ - Tân Tý Giáp Ngọ - Giáp Thìn - Nhâm Thìn - Quý Tý Mậu Mùi - Giáp Thân
Chín	Mậu Ngọ - Kỷ Mùi - Quý Mão - Quý Tý Quý Mùi - Tân Tý - Nhâm Ngọ - Kỷ Tý

- Mười Canh Ngọ - Tân Mùi - Ất Mẹo
 Nhâm Dần - Quý Mẹo - Mậu Ngọ
 Nhâm Thìn - Canh Ngọ - Canh Thân
 Mậu Thìn - Nhâm Ngọ - Canh Dậu - Tân Mẹo
 Mười Một Canh Thìn - Tân Ty - Nhâm Thìn - Tân Sửu
 Đinh Ty - Đinh Mẹo - Mậu Thìn - Kỷ Ty
 Đinh Sửu - Kỷ Mẹo
 Mười Hai Canh Dần - Tân Mẹo - Tân Sửu - Bính Thìn
 Mậu Dần - Kỷ Mẹo - Ất Sửu - Canh Thìn
 Bính Dần - Đinh Mẹo - Mậu Thìn - Đinh Sửu

Xin chú ý: Khi cất nhà, cưới gả hay bất cứ khởi sự làm một việc gì mới. Sau khi chọn xem những ngày khấn kỵ xấu xa đen tối xong, đoạn tìm chò được ngày bất tương mà cứ thì thật là tốt hoàn toàn không còn lo ngại điều gì nữa cả.

Ảnh hưởng tốt xấu của nhị thập bát tú

Giác - can - đê phòng - vi - cơ đầu - ngư - nữ - hư -
 nguy - thất - bích - khuê - lâu, vị - mao - tất - chủy - sấm
 - tỉnh - quý - liễu - tinh - tương - dục - châu.

Nguyên mỗi một vì sao trong nhị thập bát tú đều có một bài thơ luân đoán kiết hung cho việc chọn ngày xây cất nhà cửa - cưới gả vợ chồng hoặc tống táng như trong bài thơ đều bằng chữ hán cả vậy đây chúng tôi xin có lời dịch ra chữ để bạn đọc để xem dễ hiểu.

Sách Vui . Com

Vậy mỗi khi bạn muốn làm việc gì chọn được ngày nào trong phần niên - lịch - có tên vì sao nào đó thì xin xem những bài thơ giải kết hung sau đây:

Giác mộc giao (thường lường)

Giác tinh khởi sự gặp an khương

Như kẻ sỹ hiện ngộ đế vương

Cưới gả man sanh con quý tử

Táng chôn tang chủ bị song song

(Hợp về cưới gả xây cất đại kỵ về chôn cất)

Cam kim long (rồng)

Sao can lại kỵ dựng cơ đồ

Khởi sự 10 ngày họa thấy vô

Tổng tán hôn như cần phải tránh

Nhà suy góa bụa phận đơn côi

(Mọi việc đều kỵ)

Đê thổ lạc (lạc đà)

Đê tính xây cất là hung

Giá thú hôn nhân họa chẳng cùng

Kỵ mã hành thuyền đều gặp nạn

Chôn cha - chôn mẹ cháu con cung

(Mọi việc đều kỵ)

Phòng nhứt thổ (thỏ)

Sao phòng tạo tác vượng thêm tài

Phú quý vinh hoa phước lộc dài

Mai táng hôn như đều tốt cả
Giá quan tấn tước gái như trai
(mọi việc đều tốt)

Tâm Nguyệt Hồ (chồn)

Sao tâm tạo tác cực kỳ hung.
Muôn việc chẳng tròn chữ thủy chung
Mai táng hôn như đều bất?
Trong ba năm ngắm hoa Trùng trùng
(mọi việc đều ky)

Vĩ hỏa hổ (cọp)

Vĩ tinh xây dựng phát tài nguyên
Gả cưới sớm sanh trao gái tiên
Chôn cất đời đời mồ mả tốt
Cháu con rục rỡ rạng gia tiên
(mọi sự đều tốt)

Cơ thủy báo (beo)

Sao cơ gây dựng cũng là hay
Mở cửa bán buôn được phát tài
Cưới gả cất chôn đều đại lợi
Lúa đây kho nhân ngọc trao tay
(mọi sự đều tốt)

Đẩu mộc giải (cua)

Sao đẩu cũng là sao kiệt dương
Cất chôn con cháu phước miên trường
Chăn nuôi cày cấy đều thịnh vượng
Cưới gả rể dâu phước thọ trường

(mọi sự đều tốt)

Ngưu Kim Ngưu (trâu)

Ngưu tinh mọi việc gặp tai nguy
Trạch nhựt gặp ngày hãy tránh đi
Cưới đã không lâu chồng vợ góa
Cất chôn hoạn nạn họa vô kỳ

(mọi việc đều xấu)

Nữ thổ Bức (dơi)

Nữ tinh toa tác hại khuê phòng
Cưới gả sẽ thành khách vị phong
Mai táng cháu con đều lụi bại
Gia đình tan nát phận long đong

(mọi việc đều xấu)

Hư nhất thứ! chuột

Hư tinh tao tác gặp tai ương
Ly tan gia đình kẻ một phương
Cưới gả hoa dâm loạn đảng
Cháu con trôi dạt thắm phong sương

(mọi việc đều xấu)

Nguy nguyệt yếu

Sao nguy sảy cát có ra gì
An táng ngày này cũng tránh đi
Cưới gả lại càng thêm trở ngại

Một năm mấy lượt khóc ai bi
(xấu)

Thất hỏa trư (heo)

Thất tình sao tốt chon mà dùng
Cưới gả sanh toàn con hiếu trung
Táng an phần mộ tai thêm vượng
Phước lộc miên miên lưng chẳng cùng
(tốt)

Bích thủy da (con nhím)

Sao bích xây nhà thiệt tốt thay
Hôn nhân an táng phước thêm dày
Cháu con thanh vượng tài thêm vượng
Hiền hiếu gai đương vẹn thào ngay
(tốt)

Khuê mộc lang (sói)

Sao khuê xây cất đường được kiệt tương
Riêng phần cưới gả và chôn cất
Sẽ gặp luôn luôn những hóa ương
(cưới gả và chôn cất xấu - cất nhà tốt)

Lâu kim cầu (chó)

Sao lâu khỏi sự rạn muôn đường
Chôn cất 3 năm kiệt xương
Cưới gả sanh trai hiền gái quý
Thi đỗ cao khoa cân đế vương

Vị thổ tri (Chim trí)

Vị tình tác tốt vô cùng
Cưới gả thuận hòa trọn thủy chung
Chôn cất được ngày con cháu phát
Thang quan tiến chức phước trùng trùng
(tốt)

Mão nhựt kê (gà)

Trúng ngày sao mao tốt ruộng trâu
Chôn cất kiện thừa mãi chẳng thôi
Giá thú hai bên rầu đẫm lệ
Dựng nhà tai họa nội năm đầu
(chỉ có làm ruộng tốt - ngoài ra đều xấu)

Tết nguyệt ở (qua)

Sao tốt làm chi cũng đắc thành
Táng an cưới gả phước lai sanh
Dựng nhà tao tác thêm hưng vượng
Kiết khác miên miên đã sẵn dành
(mọi việc đều tốt)

Cháy hỏa hầu (khỉ)

Sao chủy gây ra quan tụng hình
Táng an con cháu bại gia đình
Làm nhà cưới mang hung họa
Tam táng Tam tang của sanh sanh
(mọi việc đều xấu)

Sâm thủy viên (vượng)

Sao sâm quần hợp kiết hung tinh
Tạo tác táng an họa hại sinh

Cưới gả cháu con đều gặp khó
Chỉ xây nhà cửa đang môn đình
(tốt có mỗi việc cất nhà

Tan mọc lai (rái)

Sao tin cất nhà hợp ruộng vườn
Hôn nhân con cháu rạn gia đường
Táng an chi ngại người chết nữa
Tốt xấu phân minh dễ tai ương
(ky chôn cất)

Quý kim Dương

Mọi việc việc nào cũng gặp hung
Quý tình yêu quái hai võ cung
Táng an riêng một điềm kiết triết
Kiết phát tang quan tấn lộc chung
(chỉ hợp một việc chôn cất)

Liểu thổ chướng (con cheo)

Sao liểu làm cho hoa tới mau
Hôn nhân tống táng lắm thương đau
Khai trương xây cất đều hư hại
Chỉ một vài năm vàng trước sau
(mọi việc đều ky)

Tinh nhựt mã (Ngựa)

Xây phòng làm bếp gặp điều may
Cưới gả táng an hoa chẳng mai
Tử biệt sanh ly không chánh khỏi
Sao tinh gây họa khá dằng dai

(chỉ được hai việc xây lò làm phòng)

Trương nguyệt lộc (nai)

Sao trương cưới gả cháu con hiền
Chôn cất ruộng vườn phước lộc miên
Khởi sự gặp ngày này rất quý
Tài năng lộc tấn rạng điều viên
(mọi sự đều tốt)

Dựa Hoả xả (rắn)

Sao chủ cất nhà chủ tử vong
Hôn nhân cưới gái phải hai chồng
Táng an tai họa luôn đưa tới
Của sạch người xa con cháu không
(mọi sự đều xấu)

Chấu thủy dấu (con trùng)

Thăng quan thăng thọ ấy sao này
Cưới vợ cất nhà tốt đẹp thay
Tu táng, mả mồ mau kết phát
Cháu tinh phú quý cháu con bày
(mọi việc đều tốt)

Phần coi sao cứu diệu

Cứu diện là các sao La Hầu - Thổ Tú - Thủy Diệu -
Thái Bạch - Thái Dương - Văn Hớn - Kế Đô - Mộc Đức

Cứu Diệu là các sao thuộc ngũ hành , hàng năm cứ
mỗi một tuổi thì chịu ảnh hưởng của một sao gọi là (Sao
chiếu mạng) do đó có năm gặp sao tốt, có năm gặp sao

xấu. Ngày xưa Khổng Minh Gia Cát Lượng dùng phép cúng sao, để tự giải vận hạn cho mình cũng thường cúng các sao đó. Vậy nay có bản soạn sẵn để cho quý vị được rõ.

Như ai muốn cúng cần nắm nhang đem trà, trái cây đoạn xem mình mấy tuổi bị sao nào chiếu mạng phải đốt mấy ngọn đèn vào ngày nào trong tháng

Tên sao	Ảnh hưởng tốt xấu và cách giải hạn	Tuổi nam	Tuổi nữ
1.Sao Thái Dương	Khá tốt đẹp nhưng hay đau mắt, đầu. Đốt ngọn đèn cúng vào ngày 27 mỗi tháng	23,32, 41,50, 59,68	16,25,34, 43,52, 61,70
2.Sao Thái âm	Khá tốt nhưng phụ nữ hay đau về máu. Đốt 7 ngọn đèn cúng vào ngày 26 hàng tháng	17,26, 35,44,53, 62,71	13,22,31, 40,49,58, 66,67
3.Sao Mộc đức	Rất tốt, tháng 10 và tháng chạp có lợi, đốt 20 ngọn đèn cúng vào ngày 25 mỗi tháng (tốt)	18,27,36, 45,54, 63,72	21,30, 39,48,57, 66,75

4.Sao Vân Hớn	Kỳ khẩu thiết những là tháng 2 và 8. Đốt 115 ngọn đèn cúng vào ngày 29 mỗi tháng(tốt)	24,33,42 51,60,69	20,29,38 47,56,65
5.Sao Thổ Tú	Tháng 4, 8 có chuyện buồn thương. Đốt 99 ngọn đèn cúng vào những ngày 19 mỗi tháng (tốt)	26,29,38, 47,56, 65,74	14,23,32, 41,50,66, 77
6. Sao Thủy Điều	Ky tháng 4,8. Đốt 7 ngọn đèn cúng vào ngày 21 mỗi tháng (tốt)	21,30,39, 48,57,, 66,75,	18,37, 36,45,54, 63,72
7.Sao Thái Bạch	Ky tháng 3, màu trắng, đàn bà kỵ hơn. Đốt 8 ngọn đèn cúng vào ngày rằm mỗi tháng (tốt)	22,31,40, 49,58,, 67,76	17,26, 35,44,53, 62,71
8. Sao La Hậu	Đại kỵ nam giới nhất là những tháng giêng,7. Đốt ngọn đèn cúng vào tối 8 mỗi tháng	19,28,37, 46,55, 64,78	15,24, 33,42,51, 60,69
9. Sao Kế Đô	Đại kỵ cho nữ giới nhất là tháng 3,9. Đốt 26 ngọn đèn 73 cúng vào	25,34,43 52,61,76	19,28,37 46,55,64

mỗi tối tháng

MƯỜI CHỮ BIẾN DẠNG

Chữ Giáp biến ra chữ Viên

Chữ Ất biến ra chữ Vong

Chữ Bính biến ra chữ Tù

Chữ Đinh biến ra chữ Du

Chữ Mậu biến ra chữ Quý

Chữ Kỷ biến ra chữ Nhân

Chữ Canh biến ra chữ Có

Chữ Tân biến ra chữ Tang

Chữ Nhân biến ra chữ Vương

Chữ Quý biến ra chữ Thiên

BÌNH GIẢI VỀ THẬP CAN THIÊN CAN

1. Tuổi Giáp có lục Giáp

Sanh ra chữ Giáp có gia điền

Danh chẳng nợ mà khổ nợ duyên

Đêm vắng sầu tràn bên gối mộng

Vàng con há chậu được ưa phiền

2. Tuổi Ất - Lục Ất

Người sach chữ ất hóa thành vong

Mất nghiệp ly hương cách vợ chồng

Tài lập trung niên cơ sở vững

Tuổi già tiên của cháu con đông

3. Tuổi Bính

Số phận gian nan thuở mới sinh

Lớn lên từ túng chuỗi ngày sai

Năm chìm bảy nổi chưa rời nợ

Những muốn thêm môn gởi tác thành

4. Tuổi Đinh - Biến thành Du

Từ thuở sơ sinh đã khổ rồi

Lớn lên lận đận mãi không thôi

Thông minh xảo diệu nhờ luân lạc

Một bước làm nên đổi cuộc đời

5. Tuổi Mậu - biến thành quả

Chẳng được nhờ ai lúc tuổi thơ

Một thân tự lập đủ mưu cơ

Tình duyên nam nữ hai lần đổ

Tính thiên thu nhân phước sẵn chờ

7. Tuổi Kỷ - biến thành Nhân

Làm ơn nên oán biết bao lần

Luân lạc tha phương ấy số phần

Tài trí văn thơ kiêm võ nghệ

Gia đường duyên nợ đổi hai lần

8. Tuổi Canh - biến thành Cô

Không tấn quan gia phải xuất gia

Trẻ tuy lao khổ sương ngày già
Mấy phen thay đổi duyên cầm sắc
Tái trí cầm thơ cung kiếm hòa

9. Tuổi Tân

Tân tang lao khổ bấy nhiều ngày
Duyên nợ mấy lần chịu khổ thay
Hiền hiếu xa quê thành sự nghiệp
Phước trời hậu vận hưởng dài lâu

10. Tuổi Quý

Gái lấy chồng, trai lấy vợ hòa
Sang giàu từ thuở mới lên ba
Thi văn điệu sản phong lưu đủ
Con cháu vàng son sáng rực nhà

2. BÌNH GIẢI VỀ THẬP NHỊ ĐỊA CHI

Đây là phép xem trong 12 tuổi tức là thập nhị địa chi coi tuổi nào thuộc con một vị nào trong ngũ đế. Phép này là biến thể trong ngũ hành, ngũ đế thuộc ngũ hành.

Thanh đế thuộc kim vị ở hướng Tây

Thanh đế thuộc Mộc vị ở hướng Đông

Hắc đế thuộc Thủy ở hướng Bắc

Xích đế thuộc Thổ vị ở hướng Nam

Huỳnh đế thuộc Thổ vị ở Trung ương

1. Tuổi Thân - Dậu thuộc con nhà Bạch Đế

Con nhà Bạch Đế tánh can cường

Văn võ gồm tài cậu của Vương
Ngang dọc một thời oanh liệt lắm
Thân danh thường lập chốn sa trường

2. Tuổi Dậu - Meo thuộc con nhà Thanh Đế

Lận đận mấy lần bởi hỏa tai
Bạn nhiều nhưng ít gặp người ngay
Tuổi cũng được đông con cháu
Kiên nhẫn kiếm cầu phước hậu lai

3. Tuổi Tý thuộc Thủy con nhà Hắc Đế

Hải hồ một gánh sợ gì ai
Thua được từng pha đấu sức tài
Có phước được tiền vô cơ đến
Ruộng vườn hậu vận hưởng dài lâu

4. Tuổi Ty - Ngọ thuộc hỏa con nhà Xích Đế

Tánh khí can cường dạ thẳng ngay
Gần nơi quyền quý khách trang đài
Trí mưu lanh lợi trời ban sẵn
Nghiep vô nghề vẫn đủ thứ hay

5. Tuổi Thìn - Tuất - Sửu - Mùi thuộc con nhà Hoan

Thông minh mưu trí lại hiền lương
Hô thi tang bùng sớm vấn vương
Thành bại nhiên lân duyên lỡ phận
Lão lai tài vượng rạng môn đường.

*

* *

SACHVUI.COM